

# **HƯỚNG DẪN ASEAN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM KẾT HỢP**

**Translated from the ASEAN Guidelines  
for Agroforestry Development**

**QUAN CHỨC CẤP CAO CỦA ASEAN VỀ LÂM NGHIỆP  
2018**

Disclaimer: This is an unofficial translation and provided for reference only.

The ASEAN Guidelines for Agroforestry Development, 2018.

To find the original version of the guideline please visit the ASEAN Secretariat website, <https://asean.org/> or download at <https://asean.org/book/asean-guidelines-for-agroforestry-development-asean-senior-officials-on-forestry-2018/>.

The translation has been produced with the support of the Climate Smart Land Use in ASEAN (CSLU) project, funded by the German Ministry for Economic Cooperation and Development and implemented by the Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ).



In cooperation with



Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8/8/1967, gồm các Quốc gia thành viên là Brunei Darussalam, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Phillipines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam.

Ban Thư ký ASEAN đặt tại Jakarta, Indonesia.

Thông tin liên lạc:

Ban Thư ký ASEAN

Ban Quan hệ cộng đồng (CRD) 70A Jalan Sisingamangaraja  
Jakarta 12110, Indonesia

Điện thoại: (62 21) 724-3372, 726-2991

Fax: (62 21) 739-8234, 724-3504

E-mail: [public@asean.org](mailto:public@asean.org) Dữ liệu Mô tả tiền xuất bản

Hướng dẫn ASEAN về Phát triển nông lâm kết hợp

Ban Thư ký ASEAN, Jakarta, Tháng 12/ 2018

630.059

1. Nông – Lâm nghiệp - ASEAN

2. Phát triển bền vững – SDG ISBN 978-602-5798-35-



[ASEAN] Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. 2018. Hướng dẫn ASEAN về Phát triển Nông lâm kết hợp.  
Tác giả: Catacutan DC, Finlayson RF, Gassner A, Perdana A, Lusiana B, Leimona B, Simelton E, Öborn I, Galudra G, Roshetko JM, Vaast P, Mulia R, Lasco RL,

Dewi S, Borelli S, Yasmi Y. Jakarta, Indonesia: Ban thư ký ASEAN.

### **ASEAN: Một cộng đồng vì cơ hội cho tất cả mọi người**

Ấn phẩm này cho phép trích dẫn thông tin hoặc tái bản miễn phí, với điều kiện có trích nguồn đầy đủ và gửi bản sao tái bản đến Ban quan hệ cộng đồng thuộc Ban thư ký ASEAN tại Jakarta.

Xem thêm thông tin tổng quan về ASEAN tại Website: [www.asean.org](http://www.asean.org)

Bản quyền Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 2018.

Ấn phẩm đã đăng ký bản quyền.

# LỜI NÓI ĐẦU

Hướng dẫn ASEAN về Phát triển nông lâm kết hợp là dấu mốc quan trọng hướng tới tăng cường sự thịnh vượng, kết nối, khả năng chống chịu và an ninh của các Quốc gia thành viên ASEAN. Nói chung, Hướng dẫn thiết lập một khung cho quá trình phát triển.

Hướng dẫn là kết quả của Tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp, giai đoạn 2016-2020, được các Bộ trưởng Nông nghiệp và Lâm nghiệp ASEAN thông qua năm 2016. Quá trình phê duyệt Tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược đã đưa đến quyết định xây dựng Hướng dẫn cho phát triển nông lâm kết hợp tại các Quốc gia thành viên ASEAN, thông qua quá trình tham vấn rộng rãi trên toàn khu vực với các bên liên quan không chỉ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp mà cả các lĩnh vực khác như biến đổi khí hậu, năng lượng và quản lý nước.

Chúng tôi hi vọng rằng Hướng dẫn này sẽ giúp thúc đẩy hợp tác và điều phối đa ngành, đa lĩnh vực (như quản lý đất, kinh tế, nước, năng lượng, nông nghiệp, lâm nghiệp, lương thực, chăn nuôi và thủy sản) tại các nước thành viên ASEAN. Chúng tôi cũng mong

muốn Hướng dẫn sẽ khuyến khích xây dựng các chính sách và chương trình nông nghiệp tại các Quốc gia thành viên, góp phần cải thiện sinh kế và tăng thu nhập cho hàng triệu nông dân trong khu vực cũng như nâng cao sản lượng lương thực mà họ sản xuất được, đồng thời cải thiện môi trường và tăng khả năng chống chịu của ngành trước tác động của các hiện tượng cực đoan do biến đổi khí hậu gây ra. Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng, Hướng dẫn này sẽ thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác giữa các Nước thành viên trong việc chia sẻ những tiến bộ về kỹ thuật và chính sách, gia tăng thương mại xuyên biên giới cho các sản phẩm nông lâm và thúc đẩy tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái. Từ đó, hỗ trợ hội nhập nhanh và sâu rộng hơn, phù hợp với tầm nhìn của Cộng đồng kinh tế ASEAN.

ASEAN đánh giá cao hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm Nông lâm thế giới (ICRAF) và Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), cùng với sự phối hợp của đối tác đến từ các cơ quan chính phủ, các viện đào tạo và nghiên cứu trong nước, khu vực và trên thế giới, các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng Hướng dẫn. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự lãnh đạo, tầm nhìn và tinh thần hợp tác của Nhóm công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội và sự hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Đối tác ASEAN – Thụy Sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến Nhóm chuyên gia Mekong về Nông lâm kết hợp vì An ninh lương thực và dinh dưỡng, Nông nghiệp bền vững và Phục hồi đất, thuộc Sáng kiến Mạng lưới Nông nghiệp Quốc tế Thụy Điển, về những hỗ trợ và đóng góp cho quá trình này. Cuối cùng, chúng tôi sẽ không thể hoàn thiện được

Hướng dẫn này nếu thiếu nguyện vọng và sự lãnh đạo của bộ trưởng các quốc gia thành viên ASEAN.

Với sự hỗ trợ và đóng góp rộng khắp từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự, chúng tôi tin tưởng rằng Hướng dẫn sẽ giúp thúc đẩy áp dụng nông lâm kết hợp trên toàn khu vực và mang lại nhiều lợi ích.

### **Quan chức cấp cao ASEAN về Lâm nghiệp (ASOF)**

# LỜI CẢM ƠN

Asean chân thành cảm ơn cống hiến và nỗ lực của các tác giả, những người đóng góp chuyên môn, đánh giá và cố vấn xây dựng Hướng dẫn như được nêu dưới đây, cũng như rất nhiều bên liên quan khác trong quá trình tham vấn trên toàn khu vực.

Đặc biệt, chúng tôi đánh giá cao sự lãnh đạo của cán bộ đầu mỗi Tổ công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội đã nỗ lực hiện thực hóa Hướng dẫn này.

Chúng tôi biết ơn Ban thư ký Chương trình hợp tác ASEAN-Thụy sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu đã giúp tổng hợp các ý kiến đóng góp của các đối tác cho Hướng dẫn này.

Chúng tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới hơn 100 người đến từ các Quốc gia thành viên ASEAN, bao gồm các nhà hoạch định chính sách, các nhóm nông dân và hợp tác xã, các nhóm quản lý rừng dựa vào cộng đồng, người thực hiện, chuyên gia kỹ thuật và các nhà nghiên cứu, đã tham gia buổi tham vấn lần đầu tổ chức tại Hội thảo Tổ công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội lần thứ 7, tại Chiang Mai, Thái Lan từ ngày 12-14/6/2017. Buổi tham vấn tập trung thảo luận mục đích và các nội dung chính của Sổ tay hướng dẫn, là tiền đề cho các bước tiếp theo.

Cuối cùng, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến Trung tâm Nông lâm thế giới (ICRAF) đã chủ trì và điều phối các nhóm kỹ thuật, cán bộ đánh giá và các cố vấn trong quá trình biên soạn Hướng dẫn này.

## Các tác giả

- **Trung tâm Nông lâm thế giới (ICRAF)**

Delia C. Catacutan, Robert Finlayson, Anja Gassner, Aulia Perdana, Betha Lusiana, Beria Leimona, Elisabeth Simelton, Ingrid Öborn, Gamma Galudra, James M. Roshetko, Philippe Vaast, Rachmat Mulia, Rodel Lasco dan Sonya Dewi

- **Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO)**

Simone Borelli dan Yurdi Yasmi

## Tư vấn đánh giá và đóng góp chuyên môn

- **Các đơn vị tư vấn**

RECOFTC Trung tâm vì Con người và rừng, Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế, Chương trình Trao đổi sản phẩm lâm sản ngoài gỗ, Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu sau đại học về Nông nghiệp Khu vực Đông Nam

Á, Mạng lưới Đào tạo và Nghiên cứu về Nông lâm kết hợp Philippine.

### Tư vấn độc lập

- Tiến sĩ. Ir. Budiman Achmad
- Tiến sĩ. Sanudin
- Tiến sĩ. Muhamad Siarudin
- Tiến sĩ. Ramon Razal
- Thạc sĩ Eva Fauziyah S.Hut,
- Ông Eduardo Queblatin
- Bà Rowena Cabahug

### Cán bộ đầu mối Tổ công tác ASEAN về lâm nghiệp xã hội

Brunei Darussalam: Bà Noralinda Hj Ibrahim, Quyền Vụ trưởng Vụ lâm nghiệp, Bộ Tài nguyên và Du lịch

Campuchia: Ông Long Ratanakoma, Phó Cục trưởng, Cục lâm nghiệp và Lâm nghiệp cộng đồng, Tổng cục lâm nghiệp, Bộ Nông – Lâm – Ngư nghiệp

Indonesia: Tiến sĩ Bambang Supriyanto, Tổng cục trưởng, Tổng cục Đối tác môi trường và Lâm nghiệp xã hội, Bộ Môi trường và Lâm nghiệp

Lào: Tiến sĩ Oupakone Alounsavath, Trưởng phòng Quản lý lâm sản ngoài gỗ và Rừng thôn bản, Vụ lâm nghiệp, Bộ Nông lâm nghiệp

Malaysia: Tiến sĩ Megat Sany Megat Ahmad Supian, Cục Quản lý lâm nghiệp và Đa dạng sinh học, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Myanmar: Tiến sĩ Ei Ei Swe Hlaing, Trợ lý Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp, Bộ Tài nguyên và Bảo tồn Môi trường

Philippines: Ông Nonito M. Tamayo, Trưởng phòng Quản lý rừng, Sở Tài nguyên và Môi trường

Singapore: Ông Hassan Ibrahim, Quản lý cấp cao, Phòng Đa dạng sinh học (trên cạn), Trung tâm đa dạng sinh học quốc gia, Ban quản lý vườn quốc gia, Vườn bách thảo Singapore

Thái Lan: Tiến sĩ Komsan Rueangritsarakul, Cán bộ kỹ thuật, Cấp chuyên nghiệp, Vụ Quản lý rừng cộng đồng, Bộ lâm nghiệp hoàng gia Thái Lan

Việt Nam: Ông Đinh Văn Tuyên, Cán bộ Phòng quản lý và Bảo vệ rừng, Cục kiểm lâm Tổng cục lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

## **Nhóm chuyên gia Mekong về Nông lâm kết hợp vì An ninh lương thực và Dinh dưỡng, Nông nghiệp bền vững và Phục hồi đất**

Andrew Noble, Anja Gassner, Bao Huy, David Gritten, Delia C. Catacutan, Dian Sukmajaya, Doris Capistrano, Ei Ei

Swe Hliang, Elisabeth Simelton, Göran Bergkvist, Horst Weyerhaeuser, Ingrid Öborn, Kim Soben, Long Ratanakoma, Mai Van Trinh, Maria Estrella A. Penunia, Niall O'Connor, Ngo The An, Nguyen Van Bo, Robert Finlayson, Ronnakorn Triraganon, Sararin Phaengam, Sigrun Dahlin, Stepha McMullin, Srichai Saengcharnchai, Tran Minh Tien, Yurdi Yasmi

### **Cố vấn**

Dian Sukmajaya, Quan chức cấp cao Ban Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp, Cục Phát triển ngành, Cộng đồng kinh tế ASEAN, Ban thư ký ASEAN.

Doris Capistrano, Cố vấn cao cấp, Chương trình hợp tác ASEAN-Thụy sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu.



## MỤC LỤC

1.	BỐI CẢNH VÀ PHẠM VI CỦA SỔ TAY HƯỚNG DẪN .....	11
2.	MỤC TIÊU CỦA HƯỚNG DẪN .....	13
3.	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG.....	14
4.	NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN.....	16
4.1	Các nguyên tắc về thể chế.....	16
	Nguyên tắc 1: Xây dựng môi trường thuận lợi .....	16
	Nguyên tắc 2: Đảm bảo năng lực tổ chức hiệu quả.....	17
	Nguyên tắc 3: Hỗ trợ hợp tác có hiệu quả và ra quyết định có sự tham gia... ..	18
4.2	Các nguyên tắc về kinh tế .....	19
	Nguyên tắc 4: Công nhận giá trị của các hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái ..	19
	Nguyên tắc 5: Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và phát triển thị trường nông lâm kết hợp .....	20
4.3	Các nguyên tắc về môi trường.....	21
	Nguyên tắc 6: Duy trì và tăng cường dịch vụ hệ sinh thái ở cấp trang trại và cảnh quan .....	21
	Nguyên tắc 7: Hiểu và quản lý được sự đánh đổi.....	22
4.4	Các nguyên tắc về văn hóa-xã hội.....	22
	Nguyên tắc 8: Công nhận và tôn trọng kiến thức, truyền thống và lựa chọn của địa phương .....	22
	Nguyên tắc 9: Hỗ trợ bình đẳng giới và hòa nhập xã hội .....	23
	Nguyên tắc 10: Đảm bảo các biện pháp bảo vệ và quyền sở hữu tài sản.....	24
4.5	Các nguyên tắc về thiết kế kỹ thuật .....	25
	Nguyên tắc 11: Thiết kế các phương án nông lâm kết hợp dựa vào bối cảnh. ..	25
	Nguyên tắc 12: Lựa chọn các thành phần nông lâm kết hợp theo nguyên tắc có sự tham gia .....	27
4.6	Các nguyên tắc về truyền thông và nhân rộng .....	28
	Nguyên tắc 13: Truyền thông có hiệu quả về kiến thức nông lâm kết hợp ....	28
	Nguyên tắc 14: Quy hoạch đảm bảo tính bền vững và nhân rộng có hiệu quả .....	29
5.	CÁC CÂN NHẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN .....	29
5.1	Cơ cấu và vai trò thể chế.....	30
5.2	Lập kế hoạch và tài chính .....	31

5.3 Nghiên cứu và học tập liên tục .....	32
5.4 Giám sát và Đánh giá .....	32
5.5 Quản lý kiến thức.....	33
PHỤ LỤC 1. XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN.....	34
PHỤ LỤC 2. SÁCH TRẮNG: .....	36
PHỤ LỤC 3. BỐI CẢNH QUỐC TẾ CỦA HƯỚNG DẪN .....	38
PHỤ LỤC 3. BỐI CẢNH QUỐC TẾ CỦA HƯỚNG DẪN .....	40

# 1. BỐI CẢNH VÀ PHẠM VI CỦA SỔ TAY HƯỚNG DẪN

Tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược Hợp tác ASEAN về thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp 2016-2025, được phê duyệt tại Hội nghị bộ trưởng Nông Lâm nghiệp ASEAN lần thứ 38 tổ chức năm 2016, nhằm đảm bảo “các nguồn tài nguyên rừng được quản lý bền vững ở cấp cảnh quan, đáp ứng nhu cầu kinh tế-xã hội và văn hóa của hiện tại và tương lai, góp phần tích cực vào phát triển bền vững”.

Nhận thức được tầm quan trọng của nông-lâm nghiệp trong việc đảm bảo an ninh lương thực, tăng cường thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, giảm suy thoái đất, đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững, cũng như tăng cường kết nối lâm nghiệp và sản xuất lương thực thông qua cách tiếp cận tích hợp đối với quản lý cảnh quan cũng như tăng cường quản lý rừng bền vững, Hội nghị quan chức cấp cao nông lâm nghiệp ASEAN lần thứ 20 đã thống nhất xây dựng Hướng dẫn ASEAN về nông-lâm kết hợp.

Hội nghị Bộ trưởng Nông lâm nghiệp ASEAN lần thứ 39 đã thông qua khuyến nghị xây dựng Hướng dẫn là một trong các kết quả chính của hợp tác ASEAN trong lâm nghiệp năm 2018.

Theo yêu cầu của Tổ công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội, Trung tâm Nông lâm thế giới<sup>1</sup> cùng với Tổ chức nông lương Liên hợp quốc (FAO) và các đối tác<sup>2</sup> trong Chương trình hợp tác ASEAN-Thụy sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu đã xây dựng bộ các nguyên tắc hướng dẫn hỗ trợ phát triển nông-lâm kết hợp tại các quốc gia thành viên ASEAN.

- 1 Trung tâm Nông lâm thế giới là một thành viên của CGIAR, đối tác toàn cầu về an ninh lương thực, và là đối tác của Chương trình Đối tác ASEAN-Thụy sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu.
- 2 Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế - RECOFTC: Trung tâm vì Con người và Rừng, Chương trình trao đổi các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ, và Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu sau đại học về Nông nghiệp Khu vực Đông Nam Á.

Các hướng dẫn này được coi là cần thiết nhằm đạt được mục tiêu của Kế hoạch chiến lược và Tầm nhìn ASEAN trong lĩnh vực lâm nghiệp, Nông nghiệp và Lương thực, đặc biệt là Mục tiêu chiến lược số 4 “tăng khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, thiên tai và các thảm họa khác” và Chương trình hành động số 5 liên quan

---

<sup>1</sup> Trung tâm Nông lâm thế giới là một thành viên của CGIAR, đối tác toàn cầu về an ninh lương thực, và là đối tác của Chương trình Đối tác ASEAN-Thụy sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu.

<sup>2</sup> Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế - RECOFTC: Trung tâm vì Con người và Rừng, Chương trình trao đổi các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ, và Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu sau đại học về Nông nghiệp Khu vực Đông Nam Á.

đến “mở rộng các hệ thống nông-lâm có khả năng chống chịu ở những khu vực phù hợp về kinh tế và sinh thái”.

Các buổi tham vấn với nhiều bên liên quan, bao gồm các nhà nghiên cứu, học thuật, các đơn vị thực hiện, chuyên gia kỹ thuật, đại diện các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực nông-lâm, và các hội nông dân đã được triển khai từ tháng 6/2017. Xin lưu ý rằng Hướng dẫn này được biên soạn nhằm đảm bảo rằng phát triển nông-lâm kết hợp phải dựa vào bối cảnh riêng của mỗi Quốc gia thành viên ASEAN. Các điều kiện về kinh tế, xã hội, chính trị và môi trường của mỗi Quốc gia cần được xem xét bình đẳng trong quá trình thiết kế các can thiệp về nông-lâm kết hợp.

Hướng dẫn dự kiến áp dụng cho tất cả mọi loại đất hoặc các hệ sinh thái có thực hiện can thiệp nông-lâm kết hợp tại các Quốc gia thành viên ASEAN, dù là rừng, nông trại, đầu nguồn, vùng cao, vùng trũng thấp, ven biển, đất ngập nước hay than bùn. Đây không phải là hướng dẫn kỹ thuật thiết lập mô hình nông-lâm kết hợp mà là một khung thúc đẩy đối thoại trong quá trình thiết kế các chính sách, chương trình, dự án và các khoản đầu tư về nông-lâm kết hợp giữa và tại các Quốc gia thành viên ASEAN.

Hướng dẫn được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không bổ sung hoặc thay thế cho các hiệp định hay hiệp ước khu vực chính thức hiện hành, cũng như luật và chính sách của các quốc gia, nhưng phù hợp với Khung đa ngành về biến đổi khí hậu của ASEAN: Nông - Lâm nghiệp hướng tới An ninh lương thực<sup>3</sup>, và tất cả các hướng dẫn ngành có liên quan đến hoạt động nông-lâm kết hợp của ASEAN<sup>4</sup>.

Mặc dù mục đích là áp dụng cho các Quốc gia thành viên ASEAN, nhưng các nguyên tắc và hướng dẫn được đề cập trong tài liệu này còn thể hiện một triết lý rộng hơn, có thể áp dụng cho cả các Quốc gia khác ngoài ASEAN.

---

<sup>3</sup> Khung đa ngành về Biến đổi khí hậu được xây dựng theo mục tiêu của Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về Nông Lâm nghiệp, đưa ra cơ chế cho các hành động phối hợp nhằm giải quyết các mối đe dọa đối với an ninh lương thực do biến đổi khí hậu gây ra. Khung đa ngành cũng tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp, cũng như theo đuổi cách tiếp cận liên ngành nhằm hoạch định và thực hiện chính sách có hiệu quả

<sup>4</sup> Hướng dẫn của ASEAN về Thúc đẩy thực hành nông nghiệp thông minh ứng phó biến đổi khí hậu; Hướng dẫn của ASEAN về Bình đẳng giới; Hướng dẫn của ASEAN về Đầu tư có trách nhiệm.

## 2. MỤC TIÊU CỦA HƯỚNG DẪN

- 1) Thúc đẩy vai trò của nông-lâm kết hợp trong việc đạt được đồng thời các kết quả về kinh tế, môi trường và xã hội ở cấp trang trại, hộ gia đình và cảnh quan.
- 2) Hướng dẫn xây dựng chính sách, chiến lược và chương trình nông-lâm kết hợp của các Quốc gia thành viên ASEAN và các khoản đầu tư của khu vực tư nhân, cũng như chương trình và nội dung giáo dục đại học về nông-lâm nghiệp.
- 3) Giúp các Quốc gia thành viên ASEAN đạt được mục tiêu về an ninh lương thực, tăng trưởng "xanh" và bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, phục hồi đất, bảo vệ đầu nguồn, bình đẳng giới, lâm nghiệp xã hội/cộng đồng, thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu nói riêng, và các Mục tiêu phát triển bền vững nói chung.
- 4) Tăng cường mối quan hệ đối tác giữa các Quốc gia thành viên ASEAN thông qua hành động chung về phát triển nông-lâm kết hợp.

### 3. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Đối tượng mục tiêu của Hướng dẫn này chủ yếu là các nhà hoạch định chính sách tại các Quốc gia thành viên, tiếp đó là các nhà hoạch định chương trình và/hoặc dự án ở cấp quốc gia và địa phương, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, các trường đại học, và các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế có tham gia vào hoạt động nông-lâm kết hợp và phát triển. Hướng dẫn cũng có thể được sử dụng bởi các tổ chức xã hội dân sự cho mục đích vận động chính sách.

**Nông lâm kết hợp** là sự tương tác giữa nông nghiệp và cây, bao gồm cả việc sử dụng cây vì mục đích nông nghiệp. Nông lâm kết hợp gồm cây trong các trang trại và cảnh quan nông nghiệp, canh tác trong rừng và ở bìa rừng, và sản xuất cây trồng. Mỗi tương tác giữa cây và các thành phần khác của nông nghiệp như gia súc, cá và các loài thủy sinh đóng vai trò quan trọng ở nhiều quy mô: trên cánh đồng (nơi cây cối và hoa màu được trồng cùng với nhau), trong trang trại (nơi cây cối có thể cung cấp thức ăn cho gia súc, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm, là nơi trú ẩn hoặc mang lại thu nhập từ các sản phẩm, bao gồm gỗ) và các cảnh quan (nơi các mục đích sử dụng đất nông nghiệp và lâm nghiệp kết hợp với nhau trong việc quyết định nguồn cung dịch vụ hệ sinh thái). Ở phạm vi quốc gia và toàn cầu, lâm nghiệp và nông nghiệp tương tác với nhau về mặt sinh thái và thông qua các chính sách có liên quan đến thương mại và sử dụng đất, cũng như đóng vai trò quan trọng ứng phó biến đổi khí hậu và các mối quan tâm khác về môi trường. Nông lâm kết hợp là cách tiếp cận sinh thái nông nghiệp tập trung vào tính đa chức năng và quản lý các hệ thống phức hợp và đa canh thay vì chỉ tập trung vào canh tác độc canh. Từ “cây” được hoạt động của con người chủ yếu liên quan đến sản xuất thực phẩm, sợi, và nhiên liệu thông qua việc sử dụng các loài thực vật, động vật và thủy sinh một cách có chủ ý và được kiểm soát. Nông lâm nghiệp kết hợp đã chứng minh được lợi ích mang lại trong nhiều lĩnh vực như an ninh lương thực và dinh dưỡng gia đình, nguồn cung năng lượng từ củi đốt, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, điều tiết đầu nguồn, phục hồi đất và cải thiện đa dạng sinh học nông nghiệp, cũng như nhiều lợi ích khác. Nông lâm kết hợp cũng giúp nông dân phân tán rủi ro về kinh tế và môi trường, mang lại nguồn thu quan trọng cho các hộ gia đình nông thôn, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Nông dân ở Đông Nam Á đã thực hành nông lâm kết hợp từ lâu và các loại hình nông lâm kết hợp có thể phân biệt được theo từng vùng (Phụ lục 2).

Tầm quan trọng của rừng đối với sức khỏe hành tinh đã được thừa nhận, tuy nhiên cây cối bên ngoài rừng cũng đóng vai trò quan trọng trong phục hồi cảnh quan và đạt được các mục tiêu tham vọng ở cấp quốc gia và quốc tế tại những nơi nông nghiệp chiếm ưu thế. Có nhiều cách phục hồi cảnh quan đã bị suy thoái nhưng khó có cách nào có thể phục hồi đa dạng sinh học và các hệ sinh thái, đồng thời đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng, tạo nguồn thu và các dịch vụ hệ sinh thái khác thông qua việc thu hút sự tham gia và trao quyền cho cộng đồng địa phương như cách tiếp cận nông lâm kết hợp. Nếu được sử dụng như một công cụ trong phục hồi rừng và cảnh quan, nông lâm kết hợp có thể cải thiện các đặc tính vật lý, hóa học và sinh học của đất, do đó tăng độ phì nhiêu và các chất hữu cơ cho đất, thúc đẩy chu trình dinh dưỡng, kiểm soát sói mòn đất và điều tiết nước. Phục hồi cảnh quan đã bị suy thoái thông qua cách tiếp cận nông lâm kết hợp có thể tăng khả năng chống chịu của cộng đồng trước các thảm họa như hạn hán và thiếu lương thực, cũng như giúp giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu (FAO 2017).

Nông lâm kết hợp đang ngày càng được công nhận là một phương tiện nhằm đạt được các công ước, khung, và mục tiêu quốc tế mà các Quốc gia thành viên ASEAN đã cam kết (Phụ lục 3). Trong đó, Hiệp định Paris có hiệu lực vào ngày 4/11/2016 thiết lập một khuôn khổ toàn cầu thúc đẩy nông lâm kết hợp, do cây cối trong rừng và ở trang trại đóng vai trò quan trọng đối với giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu. Với khả năng cô lập các bon của cây, nông lâm kết hợp có thể góp phần đạt được các khoản Đóng góp do quốc gia tự quyết định của mỗi Quốc gia thành viên. Nông lâm kết hợp cũng có thể là công cụ giúp đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ bình đẳng giới và hòa nhập xã hội, cung cấp năng lượng sạch và giá rẻ, bảo vệ sự sống trên đất, đảo ngược tình trạng suy thoái đất và chống lại biến đổi khí hậu (Phụ lục 2).

## 4. NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN

Các nguyên tắc hướng dẫn có mối liên hệ với nhau, thể hiện một triết lý lớn hơn, hướng dẫn xây dựng các can thiệp nông lâm kết hợp (như chính sách, chương trình, dự án và đầu tư kinh doanh) tại các Quốc gia thành viên ASEAN trong mọi trường hợp, bất kể những thay đổi trong mục tiêu và chiến lược của các quốc gia. Phần này đề cập đến các hướng dẫn chính đối với mỗi nguyên tắc.

### 4.1 Các nguyên tắc về thể chế

#### Nguyên tắc 1: Xây dựng môi trường thuận lợi

Hiện nay, nhiều quốc gia Đông Nam Á còn thiếu thể chế rõ ràng cho nông lâm kết hợp, nên việc xây dựng một môi trường chính sách và thể chế thuận lợi là rất quan trọng, tạo điều kiện xây dựng các chính sách, chương trình và đầu tư về nông lâm kết hợp. Trong mọi trường hợp, các nguyên tắc quản trị tốt được áp dụng bởi nhiều lĩnh vực, như quản trị có trách nhiệm đối với quyền sở hữu đất đai, ngư trường và rừng của FAO<sup>5</sup> phải được tuân thủ ở tất cả các cấp lập kế hoạch, ra quyết định và thực hiện can thiệp nông lâm kết hợp. Nguyên tắc bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

**Hướng dẫn 1.1.** Tuân thủ các hiệp ước, khung, thỏa thuận, chiến lược và chương trình khu vực và quốc tế khi xây dựng chương trình, dự án hoặc chính sách về nông lâm kết hợp.

**Nguyên tắc 1.2.** Rà soát các luật, quy định, chiến lược và chương trình quốc gia liên quan đến nông lâm kết hợp và xây dựng mới, hoặc sửa đổi các chính sách hiện hành nhằm đảm bảo có chính sách và hỗ trợ pháp lý rõ ràng cho phát triển nông lâm kết hợp.

**Hướng dẫn 1.3.** Thiết lập “mái nhà” thể chế cho nông lâm kết hợp. Đánh giá các cơ cấu thể chế hiện hành và xác định thể chế phù hợp hoặc thành lập một thể chế mới với sự tham gia của các bộ ngành có liên quan tại các Quốc gia thành viên ASEAN, chịu trách nhiệm về phát triển nông lâm kết hợp, trong đó quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, và trách nhiệm của thể chế đó.

<sup>5</sup> Hướng dẫn tự nguyện về quản trị có trách nhiệm đối với quyền sở hữu đất đai, ngư trường và rừng trong bối cảnh An ninh lương thực quốc gia : <http://www.fao.org/docrep/016/i2801e/i2801e.pdf>



**Hướng dẫn 1.4.** Xây dựng chiến lược, lộ trình hoặc chương trình nông lâm kết hợp quốc gia, và hỗ trợ phát triển ở cấp địa phương.

**Hướng dẫn 1.5.** Tạo điều kiện và thủ tục thuận lợi nhằm khuyến khích và khen thưởng việc áp dụng nông lâm kết hợp, như đảm bảo quyền sử dụng đất, tăng cường tiếp cận thị trường và cải thiện cơ sở hạ tầng.

**Hướng dẫn 1.6.** Tìm kiếm các nguồn khác nhau nhằm cung cấp tài chính phù hợp và liên tục, hỗ trợ phát triển nông lâm kết hợp.

## **Nguyên tắc 2: Đảm bảo năng lực tổ chức hiệu quả**

Liên quan đến Nguyên tắc 1, cần tăng cường năng lực của viện, cơ quan hay cục, vụ chịu trách nhiệm hoặc được thành lập mới với sự tham gia của các bộ ngành có liên quan và các đối tác chính nhằm chia sẻ kiến thức, chuyển giao công nghệ, thực hiện nghiên cứu, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ có hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lập kế hoạch. Nguyên tắc bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

**Hướng dẫn 2.1.** Tăng cường năng lực của cơ quan chịu trách nhiệm về nông lâm kết hợp và các đối tác của họ ở cấp trung ương và địa phương nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và hướng dẫn kỹ thuật một cách hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lập kế hoạch và ra quyết định có sự tham gia ở tất cả các cấp, cũng như giám sát kết quả và tác động.

**Hướng dẫn 2.2.** Xác định và huy động các tư vấn độc lập và cơ quan tư vấn nhằm tăng cường năng lực chuyên môn cho phát triển nông lâm kết hợp ở tất cả các cấp.

**Hướng dẫn 2.3.** Tăng cường năng lực nghiên cứu ở cấp quốc gia nhằm thực hiện các nghiên cứu có sự tham gia về nông lâm kết hợp và kết nối/liên kết kiến thức với chính sách thông qua sự tham gia trực tiếp vào quá trình lập kế hoạch và chính sách.

**Hướng dẫn 2.4.** Tăng cường năng lực khuyến nông quốc gia nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển giao kỹ năng và kiến thức giữa các bên liên quan, hỗ trợ đối thoại và lập kế hoạch cho các chương trình, dự án nông lâm kết hợp, và thiết kế phương án nông lâm kết hợp cho từng bối cảnh khác nhau.

**Hướng dẫn 2.5.** Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu và tiếp cận cộng đồng giữa các hệ thống khuyến nông và nghiên cứu ở cấp quốc gia với các tổ chức phát triển và nghiên cứu quốc tế, bao gồm cả các trường đại học.

**Hướng dẫn 2.6.** Khuyến khích đào tạo về nông lâm kết hợp bằng cách hỗ trợ các trường cao đẳng và đại học xây dựng chương trình giảng dạy về nông lâm kết hợp thông qua các mạng lưới giáo dục đại học hiện có trong khu vực.

**Hướng dẫn 2.7.** Xác định nhu cầu cụ thể của các bên liên quan khác nhau và cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp với nhu cầu khác nhau của các chủ đất lớn (chủ đồn điền và trang trại) và các hộ canh tác quy mô nhỏ<sup>6</sup>.

### Nguyên tắc 3: Hỗ trợ hợp tác có hiệu quả và ra quyết định có sự tham gia

Xét đến tính chất nhiều mặt của nông lâm kết hợp, các khái niệm và mối tương quan của nó với nông nghiệp, lâm nghiệp và các mục đích sử dụng đất khác, tương tác của nông lâm kết hợp ở cấp cảnh quan và mối liên kết với các lĩnh vực (như chăn nuôi, năng lượng, nuôi trồng thủy sản, nước, biến đổi khí hậu và sinh kế nông thôn), cần áp dụng cách tiếp cận cảnh quan khi lập kế hoạch can thiệp nông lâm kết hợp và hợp tác liên ngành cũng như ra quyết định tổng hợp đối với phát triển nông lâm kết hợp, như đã được đề cập trong Khung hợp tác đa ngành ASEAN về Biến đổi khí hậu: Nông nghiệp và Lâm nghiệp hướng đến An ninh lương thực. Nguyên tắc bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

**Hướng dẫn 3.1.** Thúc đẩy các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và tăng cường sự tham gia của tất cả các bên liên quan ở các cấp lập kế hoạch và ra quyết định phù hợp, nhằm cùng nhau lập kế hoạch, xác định mục tiêu và thực hiện các can thiệp nông lâm kết hợp, đặc biệt là ở cấp nông hộ. Các bên liên quan có thể bao gồm các nhà hoạch định chính sách từ các lĩnh vực có liên quan như: khối tư nhân, các nhà đầu tư, và chủ đồn điền; các nhà nghiên cứu; tổ chức phi chính phủ; các nhà tài trợ và đối tác quốc tế; các tổ chức và hiệp hội nông dân; người dân bản địa hoặc các nhóm dân tộc thiểu số; và các nhóm sản xuất và hội phụ nữ (Xem thêm Nguyên tắc 8).

**Hướng dẫn 3.2.** Đảm bảo rằng các can thiệp cũng như sản phẩm và dịch vụ nông lâm kết hợp được nhận thức đầy đủ hơn và được lồng ghép vào các chiến lược ngành.

**Hướng dẫn 3.3.** Thiết kế các can thiệp nông lâm kết hợp trong bối cảnh cảnh quan chung và trong mối tương quan với những thay đổi về cơ chế khí hậu trong tương lai cũng như thay đổi về kinh tế và chính sách nhằm đảm bảo xem xét, quản lý và giám sát các tác động bên trong và bên ngoài, ngắn hạn và dài hạn theo các tiêu chuẩn về kinh tế, xã hội và môi trường đã được các Quốc gia thành viên ASEAN thông qua (Xem thêm Nguyên tắc 11).

<sup>6</sup> Các dịch vụ hỗ trợ có thể bao gồm tập huấn kỹ thuật về nông lâm kết hợp, kỹ thuật sau thu hoạch, tiếp thị và tài chính.

**Nguyên tắc 3.4.** Lồng ghép và dung hòa các mục tiêu, lợi ích và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan khác nhau tại các cảnh quan thực hiện nông lâm kết hợp, bao gồm các nông hộ, các nhóm sản xuất quy mô lớn và nhỏ, các nhóm lâm nghiệp cộng đồng, các đồn điền lớn, và các cơ quan nhà nước (xem thêm Nguyên tắc 8,9,11).

**Nguyên tắc 3.5.** Sử dụng các công cụ định vị để xác định khu vực phù hợp nhất với nông lâm kết hợp trong một cảnh quan, theo các yếu tố về môi trường, xã hội và kinh tế nhằm đảm bảo tác động có lợi trên diện rộng (xem thêm Nguyên tắc 11) <sup>7</sup>.

**Hướng dẫn 3.6.** Tôn trọng, sử dụng và/hoặc kết hợp các hệ thống kiến thức truyền thống vào nghiên cứu khoa học, lập kế hoạch và ra quyết định (xem thêm Nguyên tắc 8).

**Nguyên tắc 3.7.** Đảm bảo nông lâm kết hợp có đóng góp cho các mục tiêu của địa phương và phù hợp với mục tiêu quốc gia, với các khuôn khổ, chiến lược và chương trình hành động của ASEAN, cũng như các công ước, hiệp ước, thỏa thuận mục tiêu và chiến lược quốc tế.

## 4.2 Các nguyên tắc về kinh tế

### Nguyên tắc 4: Công nhận giá trị của các hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái

Nông lâm kết hợp cung cấp cho thị trường, hộ gia đình và môi trường nhiều lợi ích dưới hình thức các hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái. Nông lâm kết hợp thường là một tập quán canh tác truyền thống trong đó nông dân là người trông giữ đất đai, được ghi nhận, khen thưởng hoặc đền bù cho những khoản đầu tư dài hạn của họ, như thông qua thu nhập trực tiếp từ các sản phẩm nông lâm kết hợp và/hoặc thông qua cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái. Nguyên tắc bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

Hướng dẫn 4.1. Quảng bá tất cả các loại hình sản phẩm nông lâm kết hợp (như nguyên liệu thô và các sản phẩm phục vụ tiêu dùng và buôn bán), thông qua xây dựng thương hiệu riêng, và/hoặc các chứng nhận như chứng nhận Thương mại công bằng hay hàng hóa "xanh", và tăng cường hỗ trợ các nông hộ nhỏ phối hợp và từ đó đạt được quy mô kinh tế nhằm hưởng lợi nhiều hơn từ các chuỗi giá trị nông lâm kết hợp.

<sup>7</sup> Ví dụ, Hộp công cụ Quản lý rừng bền vững của FAO (<http://www.fao.org/sustainable-forest-management/toolbox/tools/en/>) và Bộ công cụ của Trung tâm Nông lâm thế giới ([http://www.worldagroforestry.org/output?field\\_type\\_tid=756](http://www.worldagroforestry.org/output?field_type_tid=756)) và Quy hoạch sử dụng đất cho các dịch vụ môi trường (LUMENS: <http://www.worldagroforestry.org/region/sea/publications/detail?pubID=3447>)

**Hướng dẫn 4.2.** Tôn trọng kiến thức địa phương trong việc sử dụng sản phẩm nông lâm kết hợp cho nhiều mục đích khác nhau, như an ninh lương thực và dinh dưỡng, điều tra sinh học, và thương mại hóa, cũng như đảm bảo chia sẻ lợi ích bình đẳng giữa các bên liên quan (xem thêm Nguyên tắc 8,9).

**Nguyên tắc 4.3.** Đưa ra các chính sách ưu đãi, tiền chi trả hay tiền thưởng trong dài hạn cho các dịch vụ hệ sinh thái do nông lâm kết hợp cung cấp, đóng vai trò quan trọng đối với các chức năng của rừng đầu nguồn, phục hồi đất, cô lập các bon, và tăng cường đa dạng sinh học. Hầu hết các dịch vụ này được coi là hàng hóa công (Xem thêm Nguyên tắc 6).

**Nguyên tắc 4.5.** Lồng ghép dữ liệu về nông lâm kết hợp vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, khu vực và toàn cầu, ví dụ như cây cối trong trang trại, các loại hình nông lâm kết hợp và các bon, khả năng giảm thiểu rủi ro thiên tai, phân bố về mặt địa lý, sản lượng, lợi nhuận và thông tin phê duyệt.

## **Nguyên tắc 5: Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và phát triển thị trường nông lâm kết hợp**

Các quốc gia thành viên ASEAN thiết lập môi trường thuận lợi với những ưu đãi trực tiếp và gián tiếp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp và nhà đầu tư quy mô nhỏ đầu tư dài hạn vào nông lâm kết hợp. Các khoản đầu tư này có thể định được hướng theo thị trường ngoại trừ các trường hợp tự cung tự cấp tại những khu vực gặp trở ngại về tiếp cận thị trường và các yếu tố khác. Có thể phải xây dựng các cơ chế thị trường mới nhưng những cơ chế này có thể có tác động trái ngược về kinh tế và xã hội, do đó việc xây dựng môi trường thuận lợi cho đầu tư nông lâm kết hợp phải phù hợp với Hướng dẫn của ASEAN về Đầu tư có trách nhiệm. Nguyên tắc bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

**Hướng dẫn 5.1.** Xác định và xây dựng các cơ chế tài chính, bao gồm cơ chế tín dụng cho người nghèo (ví dụ như thời gian hoàn vốn dài hơn và lãi suất thấp hơn) nhằm hỗ trợ mô hình kinh doanh nông lâm kết hợp cho nông hộ, và các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ.

**Hướng dẫn 5.2.** Có chính sách hỗ trợ cho các khoản đầu tư linh hoạt nhưng dài hạn và quy hoạch sử dụng đất ở cấp trung ương và địa phương nhằm tạo niềm tin cho các nhà đầu tư bỏ tiền vào nông lâm kết hợp.

**Hướng dẫn 5.3.** Hỗ trợ kỹ thuật và xúc tiến thương mại nhằm xây dựng chuỗi giá trị nông lâm kết hợp và tạo kết thị trường (Xem thêm Nguyên tắc 4).

**Hướng dẫn 5.4.** Xây dựng quy trình thủ tục đơn giản và minh bạch cho chế biến và tiếp thị các sản phẩm nông lâm kết hợp nhằm khuyến khích đầu tư quy mô lớn và nhỏ.

**Hướng dẫn 5.5.** Loại bỏ những biến dạng kinh tế bắt nguồn từ các ngành khác, làm giảm giá trị của sản phẩm nông lâm kết hợp, hoặc làm hạn chế cơ hội của các nhà đầu tư nông lâm kết hợp, đặc biệt là các hộ sản xuất quy mô nhỏ.

**Hướng dẫn 5.6.** Cung cấp các ưu đãi trực tiếp và gián tiếp cho các can thiệp nông lâm kết hợp mang lại lợi ích cho xã hội (xem thêm Nguyên tắc 4).

### **4.3 Các nguyên tắc về môi trường**

#### **Nguyên tắc 6: Duy trì và tăng cường dịch vụ hệ sinh thái ở cấp trang trại và cảnh quan**

Các trang trại nông lâm kết hợp thường nằm ở những cảnh quan được sử dụng cho nhiều mục đích cùng một lúc, thông thường là những khu vực đầu nguồn hoặc thượng nguồn xung yếu. Do đó, ngoài việc sản xuất hàng hóa, thực hành nông lâm kết hợp cũng sẽ tác động đến việc cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái. Vì vậy, phát triển nông lâm kết hợp cần đảm bảo bảo tồn, phục hồi và cải thiện các dịch vụ hệ sinh thái bắt nguồn từ những cảnh quan này. Việc quy hoạch và phát triển nông lâm kết hợp cần được xem xét một cách cẩn thận và hợp lý nhằm đạt được các lợi ích về mặt sinh thái mà không làm ảnh hưởng đến lợi ích về kinh tế và các lợi ích khác. Nguyên tắc bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

**Hướng dẫn 6.1.** Đảm bảo quy hoạch các can thiệp nông lâm kết hợp nhằm đạt được đồng thời nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường, ở nhiều quy mô khác nhau từ cấp trang trại đến cảnh quan (xem thêm nguyên tắc 3, 11).

**Hướng dẫn 6.2.** Ghi nhận và đánh giá những tác động tích cực của nông lâm kết hợp trong việc duy trì và tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái, bao gồm phục hồi các chức năng của rừng và cảnh quan, phục hồi đất bị suy thoái, giảm xói mòn đất, giảm thiểu biến đổi khí hậu, và chống sa mạc hóa (xem thêm nguyên tắc 4,11).

**Hướng dẫn 6.3.** Thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai các can thiệp nông lâm kết hợp ở quy mô lớn, bao gồm thiết lập đường cơ sở để giám sát tác động đối với dịch vụ hệ sinh thái.

**Hướng dẫn 6.4.** Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu được đa dạng sinh học tương tự nhằm bồi thường cho những tổn thất hay thiệt hại không thể tránh khỏi do phát triển nông lâm kết hợp gây ra sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu.

**Hướng dẫn 6.5.** Xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn thực hành canh tác trong quá trình thiết lập và quản lý các can thiệp nông lâm kết hợp nhằm đảm bảo nông lâm kết hợp có đóng góp cho dịch vụ hệ sinh thái (xem thêm nguyên tắc 11, 12).

## Nguyên tắc 7: Hiểu và quản lý được sự đánh đổi

Đánh đổi là việc cân bằng các lợi ích mà không thể đạt được cùng một lúc. Việc hiểu và quản lý được sự đánh đổi rất quan trọng đối với mô hình nông lâm kết hợp, trong đó cây cối, hoa màu, cá và vật nuôi được canh tác, nuôi trồng trên cùng một đơn vị đất. Sự đánh đổi đến từ khía cạnh không gian liên quan đến việc bố trí các thành phần khác nhau trong mô hình nông lâm kết hợp, và cả thời gian, như việc lồng ghép cây cối là một thành phần trong hệ thống canh tác có thể kéo dài chu kỳ từ khi đầu tư đến khi thu hồi vốn. Để hiểu và quản lý tốt hơn sự đánh đổi, Nguyên tắc này bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

**Hướng dẫn 7.1.** Sử dụng các phương pháp có sự tham gia để hiểu được quá trình ra quyết định của các nông hộ, các trang trại canh tác quy mô vừa và lớn về sản xuất trong ngắn hạn và bền vững trong dài hạn, có xem xét đến nhu cầu của các thành viên khác nhau trong gia đình (đặc biệt là phụ nữ và người trẻ tuổi), công nghiệp và thị trường (xem thêm nguyên tắc 3, 11, 12).

**Hướng dẫn 7.2.** Dự đoán tầm quan trọng của sự đánh đổi có thể xảy ra và hỗ trợ ra quyết định bằng cách định lượng các chi phí và lợi ích về kinh tế và môi trường của can thiệp nông lâm kết hợp. Chi phí bao gồm các yếu tố đầu vào như đất, nhân công, và đầu tư tài chính trong khi lợi ích là kết quả đầu ra như cây cối, hoa màu, các sản phẩm thủy sản và chăn nuôi, và/hoặc dịch vụ hệ sinh thái (xem thêm nguyên tắc 4, 6).

**Nguyên tắc 7.3.** Tính toán khoản thu nhập bị mất đi của nông dân và nhà đầu tư, đặc biệt là trong những năm đầu thực hiện nông lâm kết hợp, và tìm kiếm cách thức, phương tiện giảm thiểu và quản lý sự hội đánh đổi, ví dụ như thông qua tín dụng dài hạn, lãi suất thấp hơn, thời gian ưu đãi về thuế, phí bảo hiểm, và các ưu đãi cho việc cung cấp dịch vụ hệ sinh thái (xem thêm nguyên tắc 4,5,6).

## 4.4 Các nguyên tắc về văn hóa-xã hội

### Nguyên tắc 8: Công nhận và tôn trọng kiến thức, truyền thống và lựa chọn của địa phương

Các chuẩn mực xã hội, giá trị văn hóa, và các hệ thống kiến thức truyền thống/địa phương cần được xem xét trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp nông lâm kết hợp. Nguyên tắc này bao gồm nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây:

**Hướng dẫn 8.1.** Công nhận và tôn trọng các giá trị truyền thống hay phong tục địa phương, bao gồm kiến thức và thực hành bản địa của các cộng đồng thực hiện can thiệp nông lâm kết hợp (xem thêm nguyên tắc 4,10).

**Hướng dẫn 8.2.** Đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan ở địa phương trong những khoản đầu tư nông lâm kết hợp chính thông qua đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (xem thêm Nguyên tắc 10)<sup>8</sup>.

**Hướng dẫn 8.3.** Đảm bảo những kiến thức và lựa chọn của địa phương liên quan đến các phương án nông lâm kết hợp (ví dụ như giống cây và hoa màu, giống vật nuôi), mục đích và các thực hành canh tác được xem xét trong quá trình nghiên cứu, lập kế hoạch và ra quyết định (xem thêm nguyên tắc 3,4,10,11,12).

**Hướng dẫn 8.4.** Công nhận và đáp ứng các nhu cầu riêng của người dân địa phương về đào tạo, kỹ thuật, quyền sử dụng đất và tài nguyên, cơ sở hạ tầng, và thông tin thị trường, đặc biệt là của người dân bản địa và các dân tộc thiểu số (xem thêm Nguyên tắc 3).

**Hướng dẫn 8.5.** Thiết lập cơ sở dữ liệu về văn hóa, kinh tế, xã hội phục vụ quá trình giám sát tiến độ và đánh giá tác động cũng như tuân thủ luật an sinh xã hội và hướng dẫn đầu tư đã được các Quốc gia thành viên ASEAN phê chuẩn, cũng như các luật quốc tế hiện hành.

**Hướng dẫn 8.6.** Ngăn chặn sự di dời hoặc thay đổi mục đích sử dụng đất của cộng đồng địa phương thông qua các khoản đầu tư lớn vào nông lâm kết hợp (xem thêm nguyên tắc 3,8,9).

## **Nguyên tắc 9: Hỗ trợ bình đẳng giới và hòa nhập xã hội**

Hòa nhập xã hội và bình đẳng giới cần được xem xét khi xây dựng chính sách và lập kế hoạch, thực hiện các can thiệp nông lâm kết hợp. Những quá trình này phải tiếp cận được đến tất cả các thành phần trong xã hội, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương như người bản địa và dân tộc thiểu số, cũng như những người trẻ tuổi. Cần xem xét đến những khác biệt về giới và thúc đẩy bình đẳng giới trong nông lâm kết hợp. Việc thực hiện các hướng dẫn trong nguyên tắc này nên phù hợp với Hướng dẫn của ASEAN về Giới. Các hướng dẫn bao gồm nhưng không giới hạn đến:

**Hướng dẫn 9.1.** Thừa nhận tầm quan trọng của bình đẳng giới và hòa nhập xã hội trong quá trình ra quyết định, thiết kế và thực hiện các can thiệp nông lâm kết hợp.

---

<sup>8</sup> Sổ tay hướng dẫn của FAO về Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin: <https://www.un.org/development/desa/indigenouspeoples/publications/2016/10/free-prior-and-informed-consent-an-indigenous-peoples-right-and-a-good-practice-for-local-communities-fao/>

**Hướng dẫn 9.2.** Đảm bảo các hộ canh tác quy mô nhỏ và các nhóm yếu thế trong xã hội như người dân bản địa/các nhóm dân tộc thiểu số và người dân di cư được tham gia hưởng lợi trong các can thiệp nông lâm kết hợp.

**Hướng dẫn 9.3.** Đảm bảo các nhóm yếu thế trong xã hội hưởng lợi hoặc không bị ảnh hưởng tiêu cực từ các khoản đầu tư nông lâm kết hợp quy mô lớn hoặc của doanh nghiệp (xem thêm nguyên tắc 8,10).

**Hướng dẫn 9.4.** Đảm bảo các khoản đầu tư nông lâm kết hợp giúp tăng cường bình đẳng giới thông qua việc hiểu những khác biệt về vai trò giới, quá trình ra quyết định, các thách thức và cơ hội, và tìm cách nâng cao khả năng tiếp cận của phụ nữ đến các cơ hội nông lâm kết hợp (bao gồm thông tin, công nghệ, tài chính) và các lợi ích liên quan.

**Hướng dẫn 9.5.** Đảm bảo rằng các phương án nông lâm kết hợp hay các kỹ thuật được áp dụng có nhạy cảm giới, đặc biệt khi yêu cầu có lao động nữ.

**Hướng dẫn 9.6.** Tăng cường năng lực cho các hệ thống nghiên cứu và khuyến nông quốc gia và các tổ chức phi chính phủ nhằm thực hiện can thiệp nông lâm kết hợp có lồng ghép hòa nhập xã hội và giới (xem thêm Nguyên tắc 2).

## **Nguyên tắc 10: Đảm bảo các biện pháp bảo vệ và quyền sở hữu tài sản**

Can thiệp nông lâm kết hợp có thể sẽ tạo ra căng thẳng giữa các bên liên quan tại những nơi chưa phân định rõ quyền sở hữu đất và tài nguyên thiên nhiên. Do đó, việc bảo vệ quyền sở hữu tài sản rất quan trọng nhằm đảm bảo các can thiệp nông lâm kết hợp không gây nguy hại đến quyền lợi của cộng đồng dân cư hoặc có tác động bất lợi đến cơ cấu xã hội và sinh kế của cộng đồng địa phương. Các hướng dẫn bao gồm nhưng không giới hạn đến:

**Hướng dẫn 10.1.** Hiểu rõ quyền sở hữu tài sản của các bên liên quan tại các khu vực dự kiến thực hiện can thiệp nông lâm kết hợp lớn, đặc biệt là những khoản đầu tư của doanh nghiệp<sup>9</sup>.

**Hướng dẫn 10.2.** Thu hút các bên liên quan tham gia đối thoại trong quá trình lập kế hoạch cho can thiệp nông lâm kết hợp, tôn trọng nguyện vọng và quyền lợi của họ, cũng như đảm bảo người nông dân tham gia nông lâm kết hợp không bị đe dọa hoặc phải miễn cưỡng di dời do các dự án đầu tư nông lâm kết hợp quy mô lớn (xem thêm nguyên tắc 3,7,8,9).

<sup>9</sup> Có rất nhiều công cụ và hướng dẫn đánh giá quyền sở hữu đất. Xem thêm Hướng dẫn của FAO về Quản trị có trách nhiệm đối với quyền sử dụng đất, ngư trường và rừng trong Bối cảnh an ninh lương thực quốc gia: <http://www.fao.org/docrep/016/i2801e/i2801e.pdf>.



**Hướng dẫn 10.3.** Đảm bảo quyền sở hữu/sử dụng đất của các bên liên quan có tham gia, và/hoặc bị tác động bởi các can thiệp nông lâm kết hợp nhằm tránh xung đột xã hội và đảm bảo lợi nhuận khi đầu tư.

**Hướng dẫn 10.4.** Đảm bảo sự đồng thuận của các chủ đất, những người có thể chịu ảnh hưởng bất lợi hoặc các tác động khác của những can thiệp nông lâm kết hợp lớn dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin, và chỉ bồi thường cho những thiệt hại không thể tránh khỏi (xem thêm nguyên tắc 7,8).

## 4.5 Các nguyên tắc về thiết kế kỹ thuật

### Nguyên tắc 11: Thiết kế các phương án nông lâm kết hợp dựa vào bối cảnh

Hiện có nhiều hệ thống và phương án nông lâm kết hợp khác nhau, mà thành công của những hệ thống này phụ thuộc vào bối cảnh địa phương, gắn với điều kiện của từng tỉnh, quốc gia, và toàn cầu. Mục tiêu chính của nông lâm kết hợp là đồng thời đạt được những lợi ích về mặt kinh tế, văn hóa-xã hội và môi trường. Sự đánh đổi thường vẫn tồn tại nhưng nếu hoạt động nông lâm kết hợp được thiết kế hiệu quả, chúng có thể đồng thời mang lại nhiều lợi ích và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan khác nhau. Để đạt được lợi ích tối ưu trong nông lâm kết hợp, Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn những hướng dẫn sau:

**Hướng dẫn 11.1.** Cung cấp công cụ hỗ trợ ra quyết định thân thiện với người dùng giúp các bên liên quan đánh giá tổng quan thông tin, xác định các cơ hội và thách thức, đồng thời đưa ra lựa chọn sáng suốt về các phương án nông lâm kết hợp. Công cụ hỗ trợ ra quyết định bao gồm thông tin và bộ dữ liệu về các thông số lý sinh - chẳng hạn như địa hình, tình hình sử dụng đất, đất, nhiệt độ và lượng mưa - và số liệu thống kê về kinh tế xã hội bao gồm giới tính, thông tin thị trường, các vấn đề về cơ sở hạ tầng và các chính sách liên quan.

**Hướng dẫn 11.2.** Đảm bảo rằng các phương án nông lâm kết hợp được lựa chọn dựa trên nhu cầu, lợi ích hoặc mục đích cụ thể của các bên liên quan thuộc khối tư nhân (các hộ canh tác quy mô nhỏ, chủ sở hữu lớn, tập đoàn) và khối công (các tổ chức chính phủ và phi chính phủ), có tính đến những thay đổi về chế độ khí hậu, điều kiện kinh tế và các chính sách có thể xảy ra trong tương lai (xem thêm nguyên tắc 3, 7, 8, 9).

**Hướng dẫn 11.3.** Thiết kế các phương án nông lâm kết hợp dựa trên bối cảnh của địa phương, liên quan đến các điều kiện lý sinh, kinh tế - xã hội (bao gồm nguồn lao động sẵn có và khả năng chi trả), văn hóa, cơ sở hạ tầng, thị trường và chính sách (xem thêm hướng dẫn 12.2 và các nguyên tắc 3, 5, 9, 10), và có xem xét đến các khía cạnh về thời gian (như luân canh cây trồng, hoa màu, vật nuôi, thủy sản) và không gian (như bố trí các thành phần trong hệ thống) của nông lâm kết hợp.

**Hướng dẫn 11.4.** Hướng tới lợi ích tối ưu bằng cách đảm bảo các phương án nông lâm kết hợp được thiết kế nhằm cung cấp đồng thời các lợi về ích kinh tế và văn hóa xã hội, môi trường, có xem xét bối cảnh địa phương, bao gồm điều kiện văn hóa xã hội (xem thêm nguyên tắc 2, 9) và tình trạng quyền sở hữu đất của các bên liên quan trực tiếp (xem thêm Nguyên tắc 10).

**Hướng dẫn 11.5.** Đảm bảo thực hiện các phương án nông lâm kết hợp áp dụng kỹ thuật canh tác nông nghiệp thông minh, thích ứng khí hậu và bảo tồn<sup>10</sup>, chẳng hạn như canh tác theo đường đồng mức (đặc biệt là trên đất dốc), trồng cây che phủ đất, phủ đất trống, làm luống hoặc canh tác không làm đất, sử dụng các giống chịu hạn và công nghệ tưới tiết kiệm nước.

**Hướng dẫn 11.6.** Hướng dẫn kỹ thuật nhằm đảm bảo quản lý các phương án nông lâm kết hợp một cách phù hợp thông qua tập huấn và tài liệu khuyến nông, hỗ trợ giáo dục thường xuyên và học tập suốt đời (xem thêm các nguyên tắc 2, 6).

---

<sup>10</sup> Xem thêm Hướng dẫn ASEAN về thúc đẩy thực hành Nông nghiệp thông minh thích ứng khí hậu để xem các ví dụ và khung hợp tác: <http://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2015/October/ASEAN-Regional-Guidelines-on-Promoting-CSA-Practices/ASEAN%20Regional%20Guidelines%20on%20Promoting%20CSA%20Practices-endorsed%2037th%20AMAF.pdf>

## Nguyên tắc 12: Lựa chọn các thành phần nông lâm kết hợp theo nguyên tắc có sự tham gia

Lựa chọn và quyết định các thành phần cây trồng, hoa màu, vật nuôi và cá/thủy sinh theo quy mô không gian và thời gian của mô hình nông lâm kết hợp là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công. Tùy thuộc vào mục tiêu (ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn) của các hộ nông dân canh tác quy mô lớn, nhỏ và các doanh nghiệp, nguồn lực sản xuất (quy mô đất đai, lao động, vốn) và các yếu tố khác, như quyền sở hữu đất đai và thị trường, các thành phần trong nông lâm kết hợp cần được lựa chọn cẩn thận dựa trên quan điểm: 'Đúng loài cây, giống vật nuôi và/hoặc cá, đúng nơi, đúng mục đích'. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, các hướng dẫn sau:

**Hướng dẫn 12.1.** Xác định các loài và giống cây trồng, vật nuôi và/hoặc thủy sản phù hợp với điều kiện lý sinh (nhiệt độ, lượng mưa, độ cao và thổ nhưỡng) của các khu vực dự kiến triển khai nông lâm kết hợp thông qua việc ghi chép lại quá trình tồn tại của chúng tại các khu vực này và tại các khu vực có điều kiện tương tự (xem thêm nguyên tắc 11)<sup>11</sup>. Xác định những thay đổi có thể

xảy ra trong tương lai liên quan đến chế độ khí hậu khi lựa chọn loài, giống cây trồng vật nuôi cho các hệ thống nông lâm kết hợp. Bên cạnh đó, nên thực hiện khảo sát thị trường về loài, giống cây trồng, vật nuôi nhằm xác định thị trường và thiết kế các chiến lược hiệu quả hơn cho tiếp thị các sản phẩm nông lâm kết hợp (xem thêm nguyên tắc 11).

**Hướng dẫn 12.2.** Tiến hành khảo sát hoặc tổ chức hội thảo với các bên liên quan tại địa phương nhằm xác định mục đích sử dụng của các bên (hàng hóa và dịch vụ) đối với cây cối, hoa màu, vật nuôi, cá và các loài cụ thể mà họ muốn nuôi trồng, đảm bảo quá trình này được thực hiện công bằng và có sự tham gia của các bên liên quan. Nếu cần, tổ chức các nhóm khảo sát riêng cho nam giới, phụ nữ, thanh niên và các nhóm yếu thế nhằm đảm bảo tất cả các đối tượng đều có thể cung cấp thông tin đầu vào (xem thêm nguyên tắc 8, 9, 10, 11).

**Hướng dẫn 12.3.** Rà soát và áp dụng các hướng dẫn kỹ thuật hiện đã được các Quốc gia Thành viên ASEAN thông qua liên quan đến việc chọn lọc, chất lượng, nguồn cung ứng, phân phối và quản lý nguồn gen cũng như các hướng dẫn liên quan đến việc lựa chọn loài và giống vật nuôi, thủy sản. Đảm bảo các loài và/hoặc giống cây trồng, vật nuôi và các loài thủy sinh bản địa không bị ảnh hưởng bất lợi bởi các loài và/hoặc giống ngoại lai trong các hệ thống nông lâm kết hợp.

<sup>11</sup> Cơ sở dữ liệu trực tuyến và các cơ sở dữ liệu khác về những loài phù hợp với điều kiện lý sinh của địa phương và ưu tiên của các bên liên quan có thể truy cập được để gia tăng lựa chọn. Ví dụ: Cơ sở dữ liệu về Sinh thái và Chức năng của cây (<http://www.worldagroforestry.org/output/tree-functional-and-ecological-databases>).

**Hướng dẫn 12.4.** Đảm bảo sự tham gia tích cực của các bên liên quan chính, đặc biệt là nông dân, nhà đầu tư, cán bộ khuyến nông và các cơ quan nhà nước trong quá trình ra quyết định về các thành phần trong hệ thống nông lâm kết hợp.

## **4.6 Các nguyên tắc về truyền thông và nhân rộng**

### **Nguyên tắc 13: Truyền thông có hiệu quả về kiến thức nông lâm kết hợp**

Do kiến thức về phát triển và quản lý nông lâm kết hợp tại các quốc gia thành viên ASEAN chưa đầy đủ, các thực hành nông lâm kết hợp khá đa dạng và phức tạp, nên việc quản lý và truyền đạt kiến thức đóng vai trò rất quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách, nông dân, nhà đầu tư và những người tham gia thị trường, nhằm khuyến khích áp dụng rộng rãi và liên tục phát triển mô hình nông lâm kết hợp. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây.

**Hướng dẫn 13.1.** Xác định nhu cầu và những thiếu hụt về kiến thức và hoạt động truyền thông của tất cả các bên liên quan – bao gồm nông dân, các cơ quan tư vấn và khuyến nông, chính quyền trung ương và địa phương, những người tham gia thị trường, và nhà đầu tư – thông qua các phương pháp có sự tham gia để có biện pháp hỗ trợ phù hợp khi cần.

**Hướng dẫn 13.2.** Trao đổi thông tin rõ ràng giữa các bên liên quan trong cùng cảnh quan và/hoặc chuỗi giá trị theo ngôn ngữ và định dạng phù hợp – bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu viết, nghe nhìn, họp nhóm lớn và nhỏ, hội thảo chuyên đề, tập huấn tại hiện trường và thiết lập các lộ trình diễn nhằm tăng cường nhận thức về các vấn đề gặp phải khi áp dụng nông lâm kết hợp.

**Hướng dẫn 13.3.** Tăng cường năng lực truyền thông và quản lý kiến thức cho các cơ quan chịu trách nhiệm và tham gia vào nông lâm kết hợp, bao gồm cả đối tác của những cơ quan này ở cấp trung ương và địa phương, nhằm thiết lập và chia sẻ kiến thức, kỹ năng hiệu quả hơn, hướng dẫn kỹ thuật, tạo điều kiện lập kế hoạch và ra quyết định ở các cấp khác nhau, giám sát kết quả và tác động, quảng bá các phương pháp, kết quả và thành tựu một cách cụ thể và rộng rãi, và hỗ trợ huy động tài chính cho nghiên cứu và phát triển nông lâm kết hợp.

**Hướng dẫn 13.4.** Quản lý kiến thức và truyền thông đầy đủ nhằm đảm bảo các bên liên quan nắm được thông tin, có thể tham gia thảo luận, có thể nâng cao kiến thức và kỹ năng, cũng như có thể liên tục thích ứng và cải tiến.

## Nguyên tắc 14: Quy hoạch đảm bảo tính bền vững và nhân rộng có hiệu quả

Xét đến tính đặc thù của can thiệp nông lâm kết hợp theo từng bối cảnh, việc nhân rộng mô hình nông lâm kết hợp phải được lên kế hoạch cẩn thận, có tính đến các yếu tố chung và riêng của từng khu vực. Cần xác định thấu đáo các yêu cầu đối với việc nhân rộng mô hình nông lâm kết hợp nhằm đạt được tác động lâu dài. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn các hướng dẫn sau đây.

**Hướng dẫn 14.1.** Thu hút các ngành và các bên liên quan tham gia vào quá trình lập kế hoạch nhân rộng nông lâm kết hợp (xem thêm nguyên tắc 3).

**Hướng dẫn 14.2.** Xác định thuận lợi và khó khăn lớn nhất của việc nhân rộng nông lâm kết hợp bằng cách xem xét các cơ hội nội tại và bên ngoài, bao gồm điều kiện về lý sinh, văn hóa, xã hội, lao động và thị trường, cũng như quy hoạch và chiến lược của các ngành có liên quan, có thể tác động đến quá trình nhân rộng.

**Hướng dẫn 14.3.** Đảm bảo các bên liên quan hiểu rõ yêu cầu đối với việc nhân rộng và đáp ứng đầy đủ hoặc một phần các yêu cầu này tại hiện trường thực hiện.

**Hướng dẫn 14.4.** Hiểu rõ trọng tâm của việc nhân rộng, có thể là ở khía cạnh kỹ thuật hoặc thể chế, hoặc cả hai. Khía cạnh kỹ thuật gồm lựa chọn giống cây, hoa màu, gia súc và/hoặc các loài thủy sinh, các thực hành thiết kế và quản lý, và tác động dự kiến ở cấp trang trại và cảnh quan. Khía cạnh thể chế gồm cách tiếp cận về tổ chức các chủ sở hữu quy mô nhỏ, xây dựng quan hệ đối tác, tập huấn và cơ chế tài trợ.

**Hướng dẫn 14.5.** Thống nhất về các mô hình nhân rộng phù hợp với bối cảnh, bao gồm các bên liên quan chính, như chính quyền địa phương, công ty tư nhân, các nhóm sản xuất và cơ quan khuyến nông.

**Hướng dẫn 14.6.** Định kỳ rà soát các cách tiếp cận, quy trình nhân rộng và kết quả đạt được nhằm khắc phục những bất cập, vấn đề và cơ hội hoặc xác định biện pháp hỗ trợ.

## 5. CÁC CÂN NHẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

Các nguyên tắc và hướng dẫn đề cập ở trên hình thành một khung, có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc thảo luận về xây dựng chính sách, chiến lược, chương trình và dự án nông lâm kết hợp của các Quốc gia thành viên ASEAN. Các nguyên tắc này cũng cung cấp hướng dẫn về các khoản đầu tư nông lâm kết hợp của khối tư nhân. Để đáp ứng mục đích thực hiện, nên tuân thủ các hướng dẫn kỹ thuật có

liên quan đến nông lâm kết hợp đã được điều chỉnh cho phù hợp với từng vùng sinh thái và văn hóa-xã hội tại các Quốc gia thành viên ASEAN. Một số cân nhắc khi thực hiện được đề cập như dưới đây.

## **5.1 Cơ cấu và vai trò thể chế**

Chính quyền và cơ quan các cấp tại các Quốc gia Thành viên ASEAN, các tổ chức phi chính phủ, hiệp hội nông dân và hợp tác xã, các tổ chức cộng đồng, khu vực tư nhân (chủ sở hữu quy mô nhỏ hoặc lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tập đoàn) và các đối tượng khác có các vai trò khác nhau. Do đó, các bên cần phối hợp trong việc thiết lập môi trường thuận lợi, tăng cường năng lực tổ chức, hợp tác và ra quyết định liên ngành có sự tham gia (nguyên tắc 1, 2, 3). Xác định các bên liên quan chính, hiểu rõ vai trò, nhu cầu và mong muốn của mỗi bên là bước đầu tiên quan trọng hướng đến một môi trường thuận lợi cho nông lâm kết hợp.

Can thiệp nông lâm kết hợp thành công đòi hỏi có sự hỗ trợ của chính phủ thông qua các chính sách và chương trình tài trợ, do lợi ích cạnh tranh từ sản xuất nông nghiệp độc canh phục vụ mục đích thương mại. Như đã trình bày trong Nguyên tắc 1, các Quốc gia Thành viên ASEAN cần xác định cơ quan chuyên trách về phát triển nông lâm kết hợp. Lâm nghiệp xã hội là một trong nhiều chương trình và cơ chế quốc gia có thể thực hiện nông lâm kết hợp với sự hỗ trợ từ chính sách và kinh phí. Nhiều Quốc gia Thành viên ASEAN thực hiện chương trình lâm nghiệp xã hội với kế hoạch và mục tiêu cải thiện sinh kế cho người dân trồng rừng đồng thời bảo vệ và quản lý rừng bền vững; nông lâm kết hợp đóng vai trò then chốt trong việc đạt được những mục tiêu này. Các nhà đầu tư khu vực tư nhân có đóng góp quan trọng trong phát triển nông lâm kết hợp, đặc biệt là các công ty công-nông nghiệp quan tâm đến sản xuất bền vững, nhằm có được chứng nhận cho phép xây dựng thương hiệu sản phẩm “thân thiện với môi trường”.

Các viện nghiên cứu và đào tạo quốc gia nên tham gia vào quá trình nghiên cứu, giáo dục và đào tạo nông lâm kết hợp nhằm 1) liên tục xây dựng kiến thức và minh chứng về nông lâm kết hợp phục vụ cho việc điều chỉnh và/hoặc hoàn thiện các khuyến nghị về kỹ thuật và chính sách; 2) xây dựng các công cụ và phương pháp truyền đạt kiến thức, giám sát và đánh giá tác động; và 3) hỗ trợ học tập, giáo dục và phổ biến kiến thức liên tục. Nghiên cứu ứng dụng và cơ bản trong nông lâm kết hợp nên được thực hiện theo phương pháp có sự tham gia (nguyên tắc 3, 8, 9).

Các dịch vụ khuyến lâm, khuyến nông hoặc tư vấn nông thôn ở các Quốc gia thành viên ASEAN cũng đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông có kỹ năng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá hiệu quả của nông lâm kết hợp.

Các hiệp hội nông dân, hợp tác xã và các tổ chức cộng đồng cũng là thành phần không thể thiếu trong quá trình đồng sản xuất kiến thức về nông lâm kết hợp, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm giữa nông dân với nhau, áp dụng các phương án nông lâm kết hợp phù hợp nhất với bối cảnh liên quan đến điều kiện lý sinh, kinh tế, văn hóa, xã hội, thị trường và chính sách, củng cố nguyện vọng, mối quan tâm và sản phẩm của nông dân, thúc đẩy đối thoại giữa các bên liên quan, bao gồm các nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư.

Các thành viên của CGIAR - đối tác toàn cầu về an ninh lương thực cũng tham gia thúc đẩy phát triển nông lâm kết hợp thông qua việc điều chỉnh các chương trình nghiên cứu phù hợp với chương trình nông lâm kết hợp của các Quốc gia thành viên ASEAN và/hoặc trực tiếp thực hiện nghiên cứu cùng với sự phối hợp của các đối tác trong khu vực và các nước.

Cuối cùng, các tổ chức Liên hợp quốc, đặc biệt là FAO đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chính sách và tài trợ ngân sách khi có thể nhằm thực hiện các hướng dẫn này.

## **5.2 Lập kế hoạch và tài chính**

Nông lâm kết hợp rõ ràng không chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm của riêng nông nghiệp hay lâm nghiệp, nên các Quốc gia Thành viên ASEAN mong muốn xây dựng một chương trình quốc gia về nông lâm kết hợp trước tiên, nên xem xét hạ tầng thể chế cần thiết đối với sự thành công của chương trình (nguyên tắc 1). Đứng đầu là các cơ quan được chỉ định thuộc các bộ có liên quan, có thể thành lập một ban hoặc tổ công tác đa ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lập kế hoạch. Cách tiếp cận này phù hợp với Khung đa ngành ASEAN về Biến đổi khí hậu: Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp hướng tới An ninh lương thực, cung cấp cơ chế cho các hành động phối hợp.

Việc lập kế hoạch cho tầm nhìn và lộ trình phát triển nông lâm kết hợp của các Quốc gia Thành viên ASEAN là cần thiết nhằm xác định hướng đi trong tương lai. Có nhiều cách thức đẩy phát triển nông lâm kết hợp trong khu vực, bao gồm tạo môi trường đầu tư thuận lợi với các chính sách hỗ trợ nhằm kích thích mở cửa thị trường cho các sản phẩm nông lâm kết hợp và lồng ghép nông lâm kết hợp vào các chiến lược, kế hoạch và mục tiêu hiện có, ví dụ như kế hoạch phát triển bền vững hoặc ít phát thải, kế hoạch hành động REDD + quốc gia, kế hoạch phát triển nông thôn, các chương trình phục hồi đất, quy hoạch sử dụng đất và các khoản Đóng góp do quốc gia tự quyết định. Các Quốc gia thành viên ASEAN có thể đề xuất đối tác phát triển quốc tế và song phương điều chỉnh chương trình phát triển của họ phù hợp với hoặc trực tiếp hỗ trợ kinh phí cho các chương trình nông lâm kết hợp của các quốc gia.

Việc lập kế hoạch cho các chương trình hoặc dự án nông lâm kết hợp ở cấp quốc gia và cấp tỉnh đòi hỏi phân tích hiện trạng và phạm vi thực hiện nhằm xác định các vấn đề, thách thức, bất cập và cơ hội. Nếu kết quả phân tích cho thấy tín hiệu tích cực để các nhà đầu tư tiềm năng (như chủ sở hữu quy mô nhỏ và lớn, tập đoàn) có thể tự tin đầu tư vào nông lâm kết hợp, cần thực hiện các nghiên cứu khả thi về tài chính và lập kế hoạch quản lý chiến lược dài hạn và trung hạn. Việc lập kế hoạch ở cấp cộng đồng,

nông trại hoặc cánh đồng cần được hỗ trợ bởi các cán bộ khuyến nông đã được đào tạo về nông lâm kết hợp (Nguyên tắc 2) và lồng ghép lựa chọn một số phương án nông lâm kết hợp phù hợp nhất cho từng bối cảnh cụ thể, có xem xét đến các điều kiện về môi trường, xã hội, văn hóa, thị trường và chính sách (nguyên tắc 12).

### **5.3 Nghiên cứu và học tập liên tục**

Liên tục học tập và nghiên cứu rất cần thiết đối với đồng sản xuất kiến thức nông lâm kết hợp, không chỉ giúp củng cố nỗ lực nhân rộng các thực hành tốt nhất mà còn cho phép điều chỉnh công nghệ và các thực hành hiện có nhằm giải quyết những thay đổi trong bối cảnh địa phương, bao gồm thay đổi về chế độ khí hậu trong tương lai và tác động bởi các yếu tố bên ngoài (nguyên tắc 3, 12). Việc tài liệu hóa cũng như đánh giá thành công và thất bại của các mô hình nông lâm kết hợp trong quá khứ và hiện tại là bước khởi đầu hiệu quả để xác định các khía cạnh ưu tiên nghiên cứu trong nông lâm kết hợp. Nghiên cứu nên định hướng hành động và thực hiện theo phương thức chia sẻ kết quả và có sự tham gia của các bên liên quan.

Một phần nghiên cứu về nông lâm kết hợp là xác định các viện nghiên cứu và đào tạo tham gia hoặc mong muốn tham gia, và rà soát hoạt động hỗ trợ của các viện này nhằm đảm bảo các nỗ lực nghiên cứu không trùng lặp và có thể bổ sung cho nhau. Chương trình giảng dạy về nông lâm kết hợp nên được hỗ trợ xây dựng và đưa vào giảng dạy tại các trường đại học, dựa vào hoạt động của Mạng lưới Giáo dục Nông lâm Đông Nam Á do Trung tâm Nông lâm Thế giới thành lập vào cuối những năm 1990 với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Thụy Điển, cũng như các mạng lưới giáo dục đại học khác hiện có trong khu vực. Các nỗ lực này cũng nên phù hợp với mục tiêu tổng quan của Trung tâm Nghiên cứu và Sau đại học về Nông nghiệp Khu vực Đông Nam Á thuộc Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á

### **5.4 Giám sát và Đánh giá**

Do nông lâm kết hợp có tiềm năng đóng góp lớn cho các khoản Đóng góp do quốc gia tự quyết định, các mục tiêu về Chống suy thoái đất, an ninh lương thực và các mục tiêu, chỉ tiêu và chiến lược khác, nên các Quốc gia Thành viên ASEAN có thể lồng ghép nông lâm kết hợp vào các cơ chế giám sát, báo cáo và xác minh. Quy trình giám sát nên đảm bảo rằng các chương trình nông lâm kết hợp áp dụng những nguyên tắc sau:

- 1) Học tập liên tục: các chương trình cần áp dụng quy trình lặp lấy ý kiến phản hồi và thông tin đến các bên liên quan. Chương trình nên tiếp thu các ý kiến trái chiều nhằm cải thiện hoạt động của mình.



- 2) Giám sát có sự tham gia và thân thiện với người dùng: các công cụ giám sát được xây dựng tốt nhất theo phương pháp có sự tham gia nhằm đảm bảo tính thân thiện đối với người sử dụng.
- 3) Tăng cường năng lực cho các bên liên quan: việc tham gia có hiệu quả đòi hỏi kỹ năng và năng lực về kỹ thuật, xã hội và tài chính. Tăng cường năng lực có thể tăng sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình giám sát, đặc biệt là với các tổ chức nông dân và hợp tác xã, và các nhóm người dùng lâm nghiệp.

Ở cấp độ ASEAN, giám sát việc áp dụng khung hướng dẫn này của các quốc gia thành viên nên do Ban lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN điều phối, sử dụng các công cụ giám sát ứng dụng đã được ASEAN thông qua, như giám sát của ASEAN về an ninh lương thực, môi trường và biến đổi khí hậu. Khung đa ngành ASEAN về Biến đổi khí hậu: Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp hướng đến An ninh lương thực cũng có thể được sử dụng để giám sát và đánh giá tình hình áp dụng hướng dẫn bởi các quốc gia thành viên, đặc biệt liên quan đến phối hợp đa ngành tại các quốc gia.

FAO cũng có thể xem xét giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện Hướng dẫn này bởi các Quốc gia thành viên ASEAN, dựa trên cơ sở dữ liệu toàn cầu về độ che phủ cây và cây ngoài rừng.

## **5.5 Quản lý kiến thức**

Một trong những vấn đề đặt ra trong phát triển nông lâm kết hợp là thiếu thông tin và nguồn kiến thức tại các nước thành viên ASEAN. Điều này không chỉ liên quan đến việc thiếu cơ cấu thể chế cho nghiên cứu và phát triển nông lâm kết hợp mà còn do kiến thức về nông lâm kết hợp thường chỉ có sẵn dưới dạng các bài báo khoa học, trong khi những nhà hoạch định chính sách và quy hoạch không dễ tiếp cận được đến các nguồn này. Theo Nguyên tắc 13, kiến thức về nông lâm kết hợp phải được truyền đạt một cách hiệu quả, tuy nhiên điều đó sẽ không thể đạt được trừ khi trách nhiệm này được giao cho các cơ quan phù hợp. Do đó, điều quan trọng đối với các Quốc gia Thành viên ASEAN là thành lập một đơn vị chuyên trách nhằm quản lý có hiệu quả kiến thức về nông lâm kết hợp và đảm bảo những kiến thức đó có thể tiếp cận được đến nhiều người.

Nhiệm vụ của đơn vị này là thu thập và phân loại kiến thức về nông lâm kết hợp, thiết lập cơ sở hạ tầng công nghệ định hướng tri thức, như cổng thông tin điện tử, và giám sát quá trình sử dụng (liên quan đến giám sát và đánh giá trong Phần 5.4). Quản lý tri thức về nông lâm kết hợp là nhiệm vụ có thể được thực hiện bởi một cơ quan được chỉ định hoặc mới thành lập như đề cập trong Nguyên tắc 1. Nhiệm vụ này có thể được chia sẻ với nhiều chủ sở hữu kiến thức và “nhà môi giới tri thức” khác như các cơ quan nghiên cứu và tổ chức phi chính phủ.

## PHỤ LỤC 1. XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN

Ý tưởng xây dựng hướng dẫn ASEAN về phát triển nông lâm kết hợp được nhen nhóm từ các cuộc thảo luận giữa các đối tác trong Chương trình Đối tác ASEAN-Thụy Sĩ về Lâm nghiệp Xã hội và Biến đổi Khí hậu, Nhóm Công tác ASEAN về Lâm nghiệp Xã hội và Ban Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp thuộc Ban Thư ký ASEAN từ năm 2015. Ý tưởng này ra đời cùng lúc và được thúc đẩy bởi quá trình thông qua Tầm nhìn và Kế hoạch Chiến lược Hợp tác ASEAN về Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp 2016–2025. Cụ thể, Kế hoạch chiến lược xác định nông lâm kết hợp là một trong những chương trình hành động nhằm đạt được an ninh lương thực trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Mặc dù vai trò và đóng góp của nông lâm kết hợp trong các lĩnh vực này ngày càng được thể hiện rõ trong các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia liên quan đến an ninh lương thực và dinh dưỡng, biến đổi khí hậu, tăng trưởng 'xanh' và phát triển bền vững, nhưng quá trình thực hiện gặp nhiều thách thức do nông lâm kết hợp chưa có thể chế riêng. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng ngoài những thách thức ở cấp chủ sở hữu quy mô nhỏ và ra quyết định của nông dân, rào cản chính là thiếu hỗ trợ rõ ràng về mặt chính sách và cơ chế thực hiện ở các Quốc gia Thành viên ASEAN. Để giải quyết vấn đề này, hướng dẫn về nông lâm kết hợp được phê duyệt ở cấp ASEAN được cho là cần thiết nhằm thiết lập các nguyên tắc và hướng dẫn có thể hỗ trợ xây dựng nhanh hơn các chính sách, chương trình và đầu tư nông lâm kết hợp.

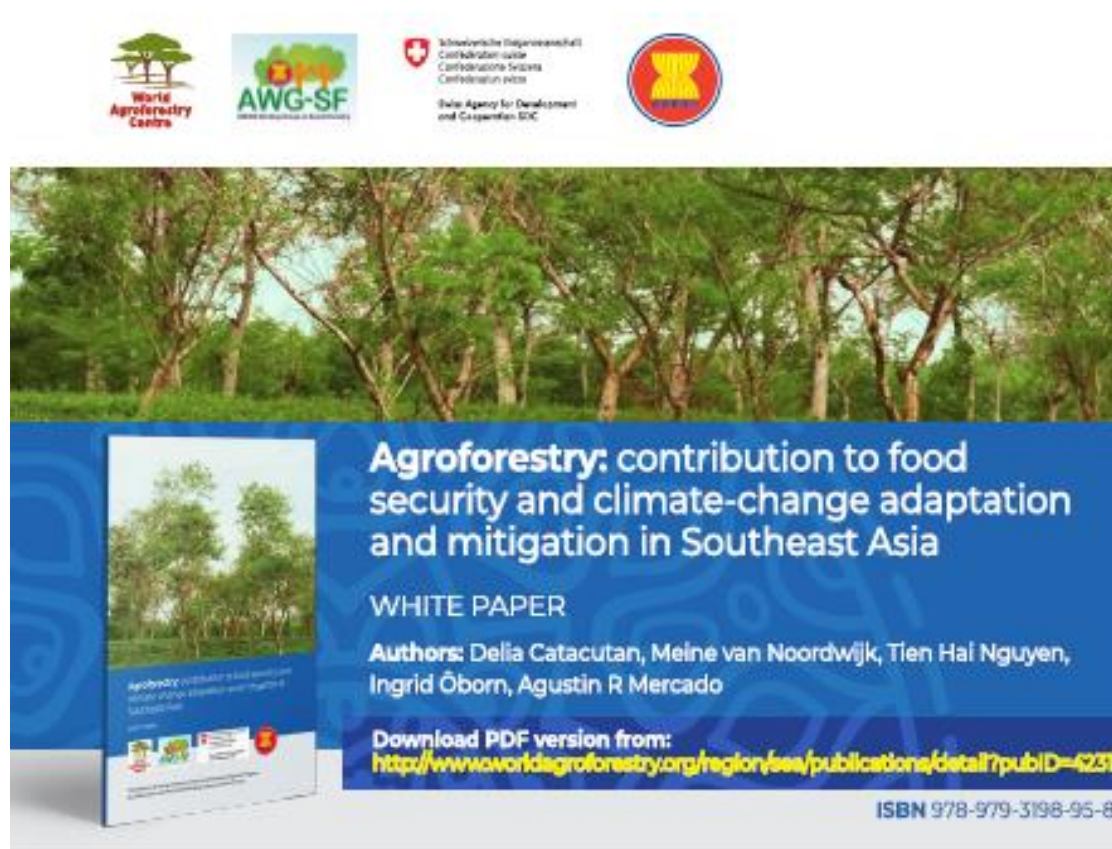
Tại hội thảo các bên liên quan lần đầu tổ chức ở Chiang Mai, Thái Lan vào tháng 6 năm 2016, các bên đã thống nhất rằng Hướng dẫn phải được xây dựng với sự tham gia của nhiều bên liên quan nhất có thể, bao gồm các nhà nghiên cứu, giảng viên, các nhà giáo dục, nhà hoạch định chính sách và cơ quan thực hiện. Hơn nữa, các bên cũng nhất trí rằng hướng dẫn phải là tài liệu chính thức, được viết với ngôn ngữ và văn phong rõ ràng nhưng không quá chi tiết nhằm cho phép đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện. Kể từ tháng 6 năm 2017, quy trình đa bên bao gồm các hoạt động chính, như liệt kê dưới đây.

- 1) Tham vấn các bên liên quan với khoảng 245 người từ các Quốc gia Thành viên ASEAN, bao gồm các nhà hoạch định chính sách, các nhóm nông dân và hợp tác xã, nhóm quản lý rừng dựa vào cộng đồng, các đơn vị thực hiện và các nhà nghiên cứu tại hội nghị Nhóm Công tác ASEAN về Lâm nghiệp Xã hội lần thứ 7 được tổ chức tại Chiang Mai, Thái Lan từ ngày 12–14/6/2017. Buổi tham vấn tập trung vào mục đích và các nội dung chính của Hướng dẫn.
- 2) Trình bày và thống nhất đề cương xây dựng hướng dẫn tại cuộc họp thường niên Nhóm công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội tại Chiang Mai, Thái Lan, ngày 15/6/2017.
- 3) Đề trình kế hoạch xây dựng Hướng dẫn đến Ban thư ký Tổ Công tác ASEAN về Ban Thư ký Lâm nghiệp Xã hội vào tháng 6 năm 2017.

- 4) ICRAF và FAO xây dựng dự thảo sơ bộ đề cương Hướng dẫn từ tháng 6-8/2017.
- 5) Soạn thảo bản dự thảo đầu tiên từ tháng 8-12/2017.
- 6) Các đối tác trong Chương trình Đối tác ASEAN – Thụy Sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu, Ban thư ký ASEAN và FAO cùng bình duyệt dự thảo đầu tiên từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 1 năm 2018.
- 7) Các chuyên gia nông lâm kết hợp, bao gồm Nhóm chuyên gia Mekong về Nông lâm kết hợp vì An ninh lương thực và Dinh dưỡng, Nông nghiệp bền vững và Phục hồi đất, và các đầu mối của Tổ công tác ASEAN về Lâm nghiệp Xã hội rà soát bản dự thảo đầu tiên vào ngày 26 tháng 1 năm 2018.
- 8) Soạn thảo bản dự thảo lần 2, từ tháng 1-2/2018
- 9) Các tổ công tác chuyên ngành của ASEAN rà soát bản dự thảo lần 2, tháng 2-3/2018
- 10) Các đầu mối của Tổ công tác ASEAN về Lâm nghiệp Xã hội rà soát bản dự thảo lần 2, tháng 2-4/2018
- 11) Hoàn thiện bản dự thảo lần 2, tháng 4-5/2018
- 12) Thảo luận và hoàn thiện tại cuộc họp Nhóm Công tác ASEAN về Lâm nghiệp Xã hội lần thứ 12 tại Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, tháng 6 năm 2018.

## PHỤ LỤC 2. SÁCH TRẮNG:

**Nông lâm kết hợp: góp phần vào an ninh lương thực, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu ở Đông Nam Á**<sup>12</sup>



Đông Nam Á đang trải qua giai đoạn bùng nổ kinh tế với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5,7% và được báo cáo đã đạt Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ là giảm một nửa số người đói.

<sup>12</sup> Sách trắng về Nông lâm kết hợp nhấn mạnh các khái niệm, thực hành nông lâm kết hợp đã được thông qua tại Đông Nam Á, đóng góp của nông lâm kết hợp cho an ninh lương thực, thu nhập, điều tiết nước, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, các vấn đề và thách thức, hạn chế về chính sách và kêu gọi hành động của các Quốc gia thành viên ASEAN

Mặc dù đây là một thành tựu đáng khen ngợi, nhưng 60 triệu người (>10% tổng dân số) vẫn chưa được đảm bảo về lương thực. Dân số tăng nhanh, cùng với sự suy thoái đất và rừng, có thể khiến nhiều quốc gia trong khu vực không thể cung cấp đủ lương thực cho số dân dự kiến trong tương lai.

Ngoài ra, biến đổi khí hậu cũng là một mối đe dọa đối với tiêu chí về "nguồn cung" của an ninh lương thực. Theo Báo cáo đánh giá lần thứ tư của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu, Đông Nam Á dự kiến sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu do hầu hết các nền kinh tế đều dựa vào nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên.

Nông lâm kết hợp, trong đó thực hành trồng cây trong trang trại, và lồng ghép lâm nghiệp với nông nghiệp như một phần của cảnh quan đa chức năng, có thể mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường. So với một số khu vực khác trên toàn cầu, Đông Nam Á có trữ lượng carbon trong sinh khối trên đất nông nghiệp (tính trên ha) cao nhất, và có xu hướng ngày càng tăng (60 tấn carbon/ha vào năm 2000 và 65 tấn/ha vào năm 2010).

Nông dân ở các vùng khác nhau trong khu vực đã và đang áp dụng các hệ thống và thực hành nông lâm kết hợp đa dạng, tăng sản lượng canh tác và giúp đảm bảo lương thực, thu nhập và các nhu cầu cơ bản khác. Đồng thời, lượng carbon đáng kể được cô lập bởi cây cối trong các hệ thống nông lâm kết hợp đang góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu, trong khi rừng và cây cối là "máy điều hòa không khí" làm mát môi trường xung quanh bằng cách đưa nước quay trở lại bầu khí quyển. Tuy nhiên, việc áp dụng nông lâm kết hợp trên quy mô lớn vẫn còn hạn chế do gặp nhiều trở ngại và thách thức, đặc biệt là thiếu thể chế và hỗ trợ về mặt chính sách. Để hiện thực hóa được tiềm năng của nông lâm kết hợp trong việc đạt được mục tiêu về an ninh lương thực, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu khu vực Đông Nam Á, cần có các chính sách riêng về nông lâm kết hợp và cơ chế thực hiện hiệu quả.

## PHỤ LỤC 3. BỐI CẢNH QUỐC TẾ CỦA HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn này tuân thủ tất cả các công ước, hiệp định và hiệp ước quốc tế ràng buộc và không ràng buộc về mặt pháp lý, cũng như các chương trình và khuôn khổ toàn cầu mà các Quốc gia Thành viên ASEAN đã cam kết, bao gồm, nhưng không giới hạn, các văn kiện sau đây.

- 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững được các nhà lãnh đạo thế giới thông qua vào tháng 9 năm 2015. Dựa trên thành công của Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, các Mục tiêu này kêu gọi nỗ lực chấm dứt mọi hình thức nghèo đói, chống bất bình đẳng và giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu trong khi đảm bảo rằng 'không ai bị bỏ lại phía sau'.
- Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) với mục tiêu ổn định các nồng độ khí nhà kính trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa được sự can thiệp nguy hiểm của con người đối với hệ thống khí hậu, mà không ràng buộc giới hạn phát thải khí nhà kính cho các quốc gia đơn lẻ và không bao gồm cơ chế thực thi.  
Công ước nêu rõ cách thức đàm phán các hiệp ước quốc tế cụ thể (gồm các nghị định thư hoặc hiệp định) để xác định hành động tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của UNFCCC.
- Hiệp định Paris xuất phát từ các cuộc đàm phán của UNFCCC, nhằm thúc đẩy các nỗ lực toàn cầu hạ mức tăng nhiệt độ dự kiến xuống 1,5° C so với mức tiền công nghiệp, tăng khả năng thích ứng, thúc đẩy phát triển ít phát thải và có khả năng chống chịu khí hậu mà không đe dọa đến sản xuất lương thực và tạo ra các dòng tài chính hỗ trợ cho mục tiêu này. Thông qua các Đóng góp do Quốc gia tự quyết định, các quốc gia xác định hành động phù hợp với hoàn cảnh, năng lực và ưu tiên của quốc gia mình.
- Công ước về Đa dạng sinh học đề ra các nguyên tắc quản trị việc bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững các bộ phận hợp thành của nó, và chia sẻ công bằng và hợp lý các lợi ích phát sinh từ các nguồn tài nguyên di truyền.
- Công ước của Liên hợp quốc về chống sa mạc hóa (UNCCD) là chiến lược 10 năm (2008– 2018) với mục tiêu thúc đẩy quan hệ đối tác toàn cầu nhằm đảo ngược, ngăn chặn sa mạc hóa và suy thoái đất cũng như giảm thiểu tác động của hạn hán nhằm hỗ trợ xóa đói giảm nghèo và đảm bảo tính bền vững của môi trường. UNCCD hợp tác chặt chẽ với CBD và UNFCCC giải quyết những thách thức phức tạp thông qua phương pháp tiếp cận tổng hợp và 'sử dụng tốt nhất có thể' các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Thách thức Bonn là một nỗ lực toàn cầu nhằm khôi phục 150 triệu ha rừng và đất rừng đang bị suy thoái trên thế giới vào năm 2020 và 350 triệu ha vào năm 2030 nhằm hiện thực hóa các cam kết quốc tế hiện hành, bao gồm Mục tiêu 15 của CBD Aichi, UNFCCC REDD +, Rio+ 20, và chống suy thoái đất.
- Công ước Ramsar về các vùng Đất ngập nước là một hiệp ước liên chính phủ cung cấp khuôn khổ cho hành động và hợp tác quốc gia trong việc bảo tồn và sử dụng các vùng đất ngập nước và các nguồn tài nguyên trên đó.

- Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển quy định chi tiết các nguyên tắc nhằm hướng dẫn các quốc gia cân đối những mối quan tâm về môi trường và phát triển trong các chính sách và hành động.
- Quy tắc Ứng xử về Thu thập và Chuyển giao nguồn gen là một khuôn khổ tự nguyện toàn cầu quy định về việc thu thập hợp lý và sử dụng bền vững các nguồn gen.
- Ủy ban liên chính phủ về lâm nghiệp đề xuất các hành động cho quản lý bền vững.
- Kế hoạch hành động toàn cầu về Bảo tồn và Sử dụng bền vững các nguồn gen thực vật là khuôn khổ tự nguyện toàn cầu, quy định việc bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn gen thực vật phục vụ nông nghiệp và lương thực.
- Tuyên bố Thiên niên kỷ và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ nhằm nâng cao phẩm giá và công bằng của con người, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường chung, ủng hộ nhân quyền và dân chủ, thúc đẩy bình đẳng giới và quản trị tốt và xây dựng quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển.
- Khung Sendai về Giảm thiểu rủi ro thiên tai (2015-2020) nhằm đạt được mục tiêu giảm đáng kể rủi ro thiên tai và thiệt hại về sinh mạng, sinh kế và sức khỏe. Khung đã được thông qua tại Hội nghị lần thứ ba của Liên hợp quốc về Giảm thiểu rủi ro thiên tai tổ chức tại Sendai, Nhật Bản vào ngày 18 tháng 3 năm 2015.

Kế hoạch chiến lược của Liên hợp quốc về rừng (2017-2030) (UNSPF) là tài liệu tham khảo cho các công việc liên quan đến rừng của hệ thống Liên hợp quốc, giúp thúc đẩy, tăng cường sự gắn kết, hợp tác và hiệp đồng giữa các cơ quan của Liên hợp quốc và đối tác, hướng tới tầm nhìn và sứ mệnh sau này. Đây cũng là khung tăng cường sự gắn kết, hướng dẫn và tập trung vào nội dung của Hiệp định Quốc tế về Rừng (IAF) và các hợp phần của hiệp định.

## PHỤ LỤC 3. BỐI CẢNH QUỐC TẾ CỦA HƯỚNG DẪN

Burke L, Ranganathan J, Winterbottom R, eds. 2015. *Revaluing ecosystems: pathways for scaling up the inclusion of ecosystem value in decision making*. Washington DC, USA: World Resources Institute.

Catacutan D, McGaw E, Llanza MA, eds. 2014. *In equal measure: a user guide to gender analysis in agroforestry*. Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program.

Colfer CJP, Achdiawan R, Roshetko JM, Mulyoutami E, Yuliani EL, Mulyana A, Moeliono M, Adnan H, Erni. 2015. The balance of power in household decision-making: encouraging news on gender in Southern Sulawesi. *World Development* 76:147–164.

Coe R, Sinclair F, Barrios E. 2014. Scaling up agroforestry requires research 'in' rather than 'for' development. *Current Opinion in Environmental Sustainability* 6:1877–3435. [https:// doi.org/10.1016/j](https://doi.org/10.1016/j)

Delaney M, Roshetko JM. 1999. Field test of carbon monitoring methods for home gardens in Indonesia. In: *Field tests of carbon monitoring methods in forestry projects*. Arlington VA, USA: Winrock International. pp 231–

245. <http://www.worldagroforestry.org/region/sea/publications/detail?pubID=4214>.

[FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2017. *Agroforestry for landscape restoration: Exploring the potential of agroforestry to enhance the sustainability and resilience of degraded landscapes*. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.

[FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2013. *Advancing agroforestry on the policy agenda: a guide for decision-makers*. Agroforestry Working Paper No.1. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.

[FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2011. *Payments for ecosystem services and food security*. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.

Klapwijk CJ, van Wijk MT, Rosenstock TS, van Asten PJA, Thornton PK, Giller KE. 2014. Analysis of trade-offs in agricultural systems: current status and way forward. *Current Opinion in Environmental Sustainability* 6:110–115. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1877343513001607>.



- Kuyah S, Öborn I, Jonsson M, Dahlin AS, Barrios E, Muthuri C, Malmer A, Nyaga J, Magaju C, Namirembe A, Nyberg Y, Sinclair FL. 2016. Trees in *Science, Ecosystem Services & Management* 12:4:255–273. <http://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/21513732.2016.1214178>.
- Martini E, Roshetko JM, Purnomosidhi P, Tarigan J, Idris N, Zulfadhli T. 2013. Fruit germplasm resources and demands for small-scale farmer's post-tsunami and conflicts in Aceh, Indonesia. *Acta Horticultura (ISHS)* 975:657–664. [http://www.actahort.org/books/975/975\\_82.htm](http://www.actahort.org/books/975/975_82.htm).
- Manurung GE, Roshetko JM, Budidarsono S, Kurniawan I. 2008. Dudukuhan tree farming systems in West Java: how to mobilize self-strengthening of community-based forest management? In: Snelder DJ, Lasco R, eds. *Smallholder tree growing for rural development and environmental services. Lessons from Asia*. Advances in Agroforestry vol. 5. Dordrecht, Netherlands: Springer.
- Mead DJ. 2004. Agroforestry. In: *Forests and forest plants*. Vol. 1. *Encyclopedia of life science systems*. Oxford, UK: EOLSS Publishers. pp 324–55.
- Millennium Ecosystem Assessment. 2005. *Ecosystems and human well-being: synthesis*. Washington DC, USA: Island Press.
- Minang PA, van Noordwijk M, Freeman OE, Mbow C, de Leeuw J, Catacutan D, eds. *Climate-smart landscapes: multifunctionality in practice*. Nairobi, Kenya: World Agroforestry Centre (ICRAF).
- Nair PVR, Garrity DPN. 2012. *Agroforestry: the future of global land use*. Dordrecht, Netherlands: Springer.
- Namirembe S, Leimona B, van Noordwijk M, Minang P, eds. 2017. *Co- investment in ecosystem services: global lessons from payment and incentive schemes*. Nairobi, Kenya: World Agroforestry Centre (ICRAF). <http://www.worldagroforestry.org/sd/environmental-services/PES>.
- Neyra-Cabatac NM, Pulhin JM, Cabanilla DB. 2012. Indigenous agroforestry in a changing context: the case of the Erumanen ne Menuvu in Southern Philippines. *Forest Policy & Economics* 22:18–27.
- [OECD] Organization for Economic Co- operation and Development. 2011. *Towards green growth: a summary for policy makers*. Paris, France: Organization for Economic Co- operation and Development.
- Orwa C, Mutua A, Kindt R, Jamnadass R, Simons A. 2009. *Agroforestree Database: a tree reference and selection guide. Version 4.0*. Nairobi, Kenya: World Agroforestry Centre (ICRAF). <http://www.worldagroforestry.org/output/agroforestree-database>.
- Perdana A, Budidarsono S, Kurniawan I, Roshetko JM. 2013. Rapid Market Appraisal (RMA). In: van Noordwijk M, Lusiana B, Leimona B, Dewi S, Wulandari D, eds. *Negotiation- support toolkit for learning landscapes*. Bogor, Indonesia:

World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program. pp 52–54. <http://www.worldagroforestry.org/downloads/Publications/PDFS/B17645.pdf>.

Roshetko JM, Snelder DJ, Lasco RD, van Noordwijk M. 2008. Future challenge: a paradigm shift in the forestry sector. In: Snelder DJ, Lasco R, eds. *Smallholder tree growing for rural development and environmental services. Lessons from Asia*. Advances in Agroforestry vol. 5. Dordrecht, Netherlands: Springer. pp 453–485.

Roshetko JM, Rohadi D, Perdana A, Sabastian G, Nuryartono N, Pramono AA, Widyani N, Manalu P, Fauzi MA, Sumardanto P, Kusumowardhani N. 2013. Teak agroforestry systems for livelihood enhancement, industrial timber production, and environmental rehabilitation. *Forests, Trees, and Livelihoods* 22 (4):241–256. DOI: 10.1080/14728028.2013.855150.

Van der Wolf J, Gram G, Bukomeko H, Mukasa D, Giller O, Kirabo E, Angebault C, Vaast P, Asare R, Jassogne L. 2017. *The shade tree advice tool*. CCAFS Info Note. Copenhagen, Denmark: CGIAR Research Program on Climate Change, Agriculture and Food Security. <https://ccafs.cgiar.org/publications/shade-tree-advice-tool#.WjjWDjcxXD4>. Tool: <http://shadetreeadvice.org/>.

Van der Wolf J, Jassogne L, Gram G, Vaast

P. 2016. Turning local knowledge on agroforestry into an online decision- support tool for tree selection in smallholders' farms. *Experimental Agriculture* 1–17. <http://dx.doi.org/10.10107/S001447971600017X>.

Van Noordwijk M. 2005. *RUPES typology of environmental service worthy of reward*. Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program. <http://www.worldagroforestry.org/downloads/Publications/PDFS/wp13952.pdf>

Van Noordwijk M, Coe R, Sinclair F. 2016. *Central hypotheses for the third agroforestry paradigm within a common definition*. Working paper 233. Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program. DOI: <http://dx.doi.org/10.5716/WP16079.PDF>.

Van Noordwijk M, Mbow C, Minang PA. 2015. *Trees as nexus for Sustainable Development Goals (SDG's): agroforestry for integrated options*. Policy Brief 50. Nairobi, Kenya: ASB Partnership for the Tropical Forest Margins.

Van Noordwijk M, Tata HL, Xu J, Dewi S, Minang PA. 2012. Segregate or integrate for multifunctionality and sustained change through rubber- based agroforestry in Indonesia and China. In: Nair PVR, Garrity DPN. *Agroforestry: the future of global land use*. Dordrecht, Netherlands: Springer. pp 69–104.

Visco R. 2011. *National case study on agroforestry policy in the Philippines*. Final report. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.

Wangpakapattanawong P, Finlayson R, Öborn I, Roshetko JM, Sinclair F, Shono K, Borelli S, Hillbrand A, Conigliaro M. 2017. *Agroforestry in rice-production landscapes in Southeast Asia: a practical manual*. Bangkok, Thailand: Food and Agriculture Organization of the United Nations Regional Office for Asia and the Pacific, Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program.

Zomer RJ, Neufeldt H, Xu J, Ahrends A, Bossio D, Trabucco A, van Noorwijk M, Wang M. 2016. Global tree cover and biomass carbon on agricultural land: the contribution of agroforestry to global and national carbon budgets. *Scientific Reports* 6:1–12.

